

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Tổng quan về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Bất kỳ một xã hội nào muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành quá trình sản xuất, mà quá trình sản xuất muốn tiến hành được phải thông qua 3 yếu tố cơ bản đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Ba yếu tố này có mối quan hệ hữu cơ tác động qua lại tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội. Trong đó nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Đối tượng lao động ở nguyên vật liệu thể hiện dưới dạng vật hóa như sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí, xây dựng cơ bản; bông trong các doanh nghiệp dệt, kéo sợi; vải trong các doanh nghiệp may; sản phẩm cây trồng trong các doanh nghiệp chế biến. Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm mới nguyên vật liệu đóng một vai trò quan trọng xét trên các mặt sau:

Về mặt giá trị: Dưới tác động của sức lao động cùng tư liệu lao động ở một chu kỳ sản xuất nguyên vật liệu sẽ chuyển dịch một lần toàn bộ chi phí sản xuất dưới dạng chi phí tiêu hao để thành giá trị sản phẩm mới mang đầy đủ chức năng vốn có của sản phẩm đó là: chất lượng, mẫu mã, giá trị, giá trị sử dụng, giá trị thương mại. Hơn nữa chi phí nguyên vật liệu còn là một trong ba chi phí cơ bản quan trọng để tính giá thành sản phẩm (theo khoản mục). Vì vậy có giảm được chi phí nguyên vật liệu mới giảm chi phí sản xuất kinh doanh từ đó hạ giá thành sản phẩm (trong trường hợp không làm thay đổi chất lượng sản phẩm) bằng việc tổ chức quản lý sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu mới đem lại lợi nhuận cao, tăng tích lũy và đạt hiệu quả cao nhất.

Về vốn của doanh nghiệp: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của

vốn lưu động trong doanh nghiệp đặc biệt là vốn dự trữ. Trong đó nguyên vật liệu nằm trong khâu dự trữ sản xuất của vốn lưu động. Do đó cần quản lý sử dụng tốt nguyên vật liệu mới góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, tránh ứ đọng sử dụng lãng phí.

Từ vị trí, vai trò, đặc điểm của nguyên vật liệu ta thấy việc tổ chức quản lý, sử dụng tốt NVL là rất cần thiết, bổ ích cho tất cả các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất. Do vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ NVL ở tất cả các khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản đến khâu sử dụng và dự trữ.

a) Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường.
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ

➤ *Nguyên vật liệu là:* một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

➤ *Công cụ dụng cụ là:* một bộ phận của hàng tồn kho, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với Tài sản cố định. Vì vậy công cụ dụng cụ được quản lý và hạch toán như nguyên liệu, vật liệu.

b) Đặc điểm

Đặc điểm của nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ. Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu, vật liệu thay đổi hoàn toàn hình

thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đặc điểm của công cụ dụng cụ:

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu giá trị bị hao mòn dần được dịch chuyển từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Công cụ dụng cụ thường có giá trị nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn, được quản lý và hạch toán như tài sản lưu động.

c) Vai trò của nguyên vật liệu, CCDC trong sản xuất

Trong các doanh nghiệp sản xuất vật chất, chi phí cho các đối tượng lao động thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí, cơ cấu giá thành sản phẩm và là một bộ phận sản xuất dự trữ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Như vậy, xét về mọi mặt ta thấy vị trí của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với quá trình sản xuất có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc cung cấp NVL, CCDC có kịp thời, đầy đủ hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp. Sẽ không thể tiến hành sản xuất nếu không có đủ NVL, CCDC. Nhưng khi đã có đầy đủ NVL, CCDC thì sản xuất có đạt yêu cầu hay không? Sản phẩm làm ra có cạnh tranh được hay không? Để đạt được điều này thì phải phụ thuộc vào chất lượng các NVL, CCDC đó. Ngoài ra chi phí NVL, CCDC cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự biến động của giá thành, chỉ cần chi phí tăng hay giảm 1% cũng đã làm cho giá thành biến động.

Điều này ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

NVL và CCDC là yếu tố không thể thiếu được đối với quá trình sản xuất. Do vậy việc cung cấp NVL đầy đủ, thường xuyên liên tục và sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh ổn định đạt kết quả

cao. Muốn được như thế thì công tác quản lý NVL phải đảm bảo yêu cầu ở các khâu (thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng). NVL là tài sản dự trữ sản xuất thường xuyên biến động. Các doanh nghiệp phải tiến hành thường xuyên mua NVL để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và phục vụ cho nhu cầu quản lý khác của doanh nghiệp. Trong khâu thu mua đòi hỏi phải quản lý việc thực hiện kế hoạch mua hàng về khối lượng, số lượng, chất lượng, quy cách chủng loại, giá mua và chi phí mua, thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ thời gian phù hợp với tiến độ SXKD của doanh nghiệp. Ở khâu bảo quản phải tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện đo lường cần thiết, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại NVL, tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn tài sản. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí nhằm tiết kiệm chi phí NVL, CCDC; điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc hạ thấp chi phí sản xuất giá thành sản phẩm, tăng thu nhập tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy trong khâu sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng NVL, CCDC.

Trong khâu dự trữ, đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được định mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh ổn định không bị ngừng trệ, gián đoạn do việc cung ứng không kịp thời hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

1.1.3 Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.3.1 Phân loại

a) Phân loại nguyên vật liệu

** Nếu căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành:*

- *Nguyên vật liệu chính:* là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy nguyên liệu chính gắn liền với doanh nghiệp sản xuất cụ thể.

- *Vật liệu phụ:* là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì không cấu thành thực thể chính của sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, làm tăng thêm chất

lượng của sản phẩm hàng hoá hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, phục vụ cho quá trình lao động.

- *Nhiên liệu*: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, thể lỏng, thể khí.

- *Phụ tùng thay thế*: là những vật tư, sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất.

- *Vật liệu xây dựng cơ bản*: gồm các thiết bị, phương tiện lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản của doanh nghiệp.

- *Phế liệu*: là vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hoặc thanh lý tài sản, có thể sử dụng hoặc bán.

- *Vật liệu khác*: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ kể trên. Tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và kế toán chi phí của từng doanh nghiệp mà trong từng loại vật liệu có thể chi tiết hơn.

* *Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu có thể phân loại như sau*

- Nguyên vật liệu do mua ngoài.

- Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất.

- Nguyên vật liệu do từ các nguồn khác: như cấp phát, biếu tặng, liên doanh..

* *Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng nguyên vật liệu có thể phân loại như sau:*

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu dùng cho công tác quản lý.

- Nguyên vật liệu dùng cho mục đích khác.

Trên cơ sở phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, doanh nghiệp cần xác định "Sổ danh điểm vật liệu" để thống nhất tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách để tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và tìm kiếm thông tin về mọi loại vật liệu nào đó đặc biệt là trong điều kiện cơ giới hoá, tự động hoá công tác tính toán trong doanh nghiệp.

b) Phân loại công cụ dụng cụ

* Căn cứ vào nội dung kinh tế, công cụ dụng cụ được phân loại thành:

- Công cụ dụng cụ.
- Bao bì luân chuyển.
- Đồ dùng cho thuê.

* Căn cứ vào nơi sử dụng công cụ dụng cụ được phân loại thành:

- Công cụ dụng cụ trong kho.
- Công cụ dụng cụ đang dùng.

* Căn cứ vào phương pháp phân bổ, công cụ dụng cụ được phân loại thành:

- *Phân bổ 1 lần*: Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

- *Phân bổ 50%*: Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ 50% giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Khi các bộ phận báo hỏng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị hỏng vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo hỏng.

Giá trị còn lại của ccdc báo hỏng	=	$\frac{\text{GTTT của CCDC hỏng}}{2}$	-	Giá trị phế liệu thu hồi	-	Tiền bồi thường vật chất
-----------------------------------	---	---------------------------------------	---	--------------------------	---	--------------------------

- *Phân bổ nhiều lần*: Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị công cụ dụng cụ và thời gian sử dụng hoặc số lần dự kiến để tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc một lần sử dụng.

Mức phân bổ CCDC trong 1 kỳ hoặc 1 lần sử dụng	=	$\frac{\text{Giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$
--	---	--

Căn cứ vào mức phân bổ nói trên, định kỳ kế toán phân bổ giá trị của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.3.2 Đánh giá NVL, CCDC

Đánh giá vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực thống nhất. Về nguyên tắc NVL nằm trong giá thành sản phẩm đồng thời nó còn thuộc tài sản lưu động nằm trong bảng cân đối kế toán. Vì vậy phải đánh giá NVL chính xác để đảm bảo tính chính xác của giá thành và thông tin trên bảng cân đối kế toán, NVL được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo theo một nguyên tắc cơ bản đánh giá theo giá trị vốn thực tế. Nghĩa là khi nhập kho phải tính theo giá trị vật liệu thực tế nhập. Khi xuất kho cũng phải xác định trị giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định.

Tuy nhiên do đặc điểm loại hình sản xuất kinh doanh, quy mô sản xuất của các doanh nghiệp giảm bớt khối lượng ghi chép, tính toán hàng ngày có thể sử dụng giá hạch toán.

Nguyên tắc chung để hạch toán nguyên vật liệu nhập – xuất – tồn kho phải theo giá thực tế của các loại vật liệu. Giá thực tế sẽ bằng giá hạch toán trên hóa đơn cộng với chi phí vận chuyển bốc dỡ và thuế phải nộp (nếu có).

Đánh giá NVL, CCDC cần tuân thủ những nguyên tắc:

Nguyên tắc giá gốc: Chuẩn mực 02 – Hàng tồn kho: Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên tắc nhất quán: Nhất quán ở cách đánh giá nguyên vật liệu, CCDC; nhất quán ở các kỳ kế toán.

Nguyên tắc thận trọng: Lập dự phòng: Nguyên vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc trọng yếu: Ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

a) *Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo giá gốc*

❖ *Đối với NVL, CCDC nhập kho*

Giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập.

+Đối với NVL, CCDC nhập kho do mua ngoài: Trị giá vốn thực tế nhập kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại (thuế nhập khẩu, thuế tiêu

thụ đặc biệt), chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư, trừ đi các khoản CKTM, GGHB (nếu có).

Giá gốc NVL, CCDC mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn trừ (CKTM,GGHB) nếu có	+	Các loại thuế không hoàn lại	+	Chi phí liên quan trực tiếp
--	---	---	---	------------------------------------	---	-----------------------------------

Giá gốc NVL, giá thực tế trường hợp NVL, CCDC mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa thuế GTGT.

Trường hợp NVL, CCDC mua vào sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán)

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá NVL,CCDC xuất gia công chế biến	+	Chi phí gia công chế biến
-------------------------	---	--	---	---------------------------

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thực tế NVL,CCDC xuất thuê ngoài gia công chế biến	+	CP vận chuyên bốc dỡ	+	CP thuê ngoài gia công chế biến
-------------------------	---	--	---	-------------------------	---	---------------------------------------

Chi phí chế biến bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như: Chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chế biến NVL, CCDC. Đối với NVL, CCDC nhập kho do nhận vốn góp liên doanh vốn góp cổ phần hoặc thu hồi vốn góp theo giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp nhận.

+Đối với NVL nhập kho do được cấp:

Giá gốc NVL, CCDC được cấp	=	Giá ghi trên sổ của đơn vị cấp trên	+	Chi phí vận chuyên bốc dỡ, chi phí co liên
-------------------------------	---	--	---	---

nhập kho

hoặc giá đánh giá lại
theo giá trị thuần

quan trực tiếp

+Đối với NVL, CCDC nhập kho do được biếu tặng, tài trợ:

Giá gốc NVL, CCDC Nhận biếu tặng Nhập kho	=	Giá trị hợp lý ban đầu của những NVL,CCDC tương đương	+	CP khác có liên quan đến việc tiếp nhận
---	---	---	---	---

❖ *Đối với NVL, CCDC xuất kho*

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp để xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho. Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh.*
- Phương pháp nhập trước xuất trước*
- Phương pháp nhập sau xuất trước.*
- Phương pháp bình quân gia quyền.*

Nội dung cụ thể của các phương pháp:

+*Phương pháp thực tế đích danh.*

Theo phương pháp này, giá của hàng nhập kho sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất kho. Khi xuất loại hàng hóa nào thì lấy giá của loại hàng hoá đó. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

-Ưu điểm: Chính xác và theo dõi chặt chẽ thời hạn bảo quản của từng loại vật tư.

-Nhược điểm: Đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện để bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho, công tác chặt chẽ phức tạp.

+Phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp này được thực hiện như sau: lô hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nào nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới là giá của lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

-Ưu điểm: Với phương pháp này việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý, chính xác.

-Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phải tiến hành công phu.

+Phương pháp nhập sau xuất trước.

Theo phương pháp này, nhưng lô hàng mua sau sẽ được xuất trước. Nghĩa là giá thị trường của hàng xuất được tính theo giá của lô hàng có lần nhập gần nhất. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận thu được mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song chất lượng tính giá lại vẫn phụ thuộc vào sự ổn định giá cả của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ. Nếu giá cả biến động mạnh mẽ sẽ mất chính xác gây bất hợp lý. Phương pháp này áp dụng trong trường hợp lạm phát.

-Ưu điểm: Việc tính giá vật liệu đơn giản hơn phương pháp nhập trước, xuất trước.

-Nhược điểm: Khối lượng ghi chép và theo dõi hạch toán chi tiết còn phức tạp.

+ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ, giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng loại doanh nghiệp. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá của hàng hoá vật tư, hàng hoá khi nhập xuất kho. Phương pháp bình quân gia quyền này có thể thực hiện theo cả kỳ

hoặc là sau mỗi lần nhập.

-Ưu điểm: Tính giá vật liệu xuất kho chính xác

-Nhược điểm: Phương pháp này chỉ tiến hành vào cuối tháng nên khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Trị giá thực tế xuất kho	=	Số lượng xuất	×	Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ
--------------------------	---	---------------	---	-----------------------------------

Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ	=	Giá trị thực tế vật tư tồn đầu kỳ	+	Giá trị thực tế vật tư nhập trong kỳ
		Số lượng vật tư tồn đầu kỳ	+	Số lượng vật tư nhập trong kỳ

Phương pháp bình quân liên hoàn:

Trị giá thực tế xuất kho	=	Số lượng xuất	×	Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập
--------------------------	---	---------------	---	---------------------------------------

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập	=	Giá trị thực tế vật tư tồn kho trước khi nhập	+	Giá trị thực tế vật tư của mỗi lần nhập kho
		Số lượng vật tư, hàng hóa tồn kho trước khi nhập	+	Số lượng vật tư, hàng hóa của mỗi lần nhập kho

b) Tính giá NVL, CCDC theo giá hạch toán

Đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất nhiều mặt hàng, hoạt động nhập – xuất NVL diễn ra thường xuyên liên tục, nếu áp dụng tính theo giá gốc thì rất phức tạp. Doanh nghiệp có thể xây dựng hệ thống giá hạch toán để ghi chép hàng ngày trên phiếu nhập, phiếu xuất và ghi sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC. Giá hạch toán là giá do kế toán doanh nghiệp tự xây dựng, có thể

là giá kế hoạch hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được trên thị trường và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong một thời gian dài. Việc xuất kho hàng ngày được thực hiện theo giá hạch toán, đến cuối kỳ kế toán tính ra giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp. Để tính được giá thực tế trước hết phải tính hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL, CCDC.

Hệ số chênh lệch giá	=	$\frac{\text{Giá trị NVL,CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế NVL,CCDC nhập trong kỳ}}{\text{Giá trị hạch toán NVL,CCDC tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hạch toán NVL,CCDC nhập trong kỳ}}$	
-------------------------	---	---	--

Trị giá của NVL, CCDC xuất kho được tính bằng:

Giá trị thực tế NVL, CCDC xuất kho	=	$\text{Giá trị hạch toán NVL,CCDC xuất kho} \times \text{Hệ số giá chênh lệch}$	
--	---	---	--

Phương pháp hệ số giá cho phép kết hợp chặt chẽ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp về NVL trong công tác tính giá, nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng và không bị phụ thuộc vào số lượng danh điểm NVL, số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều hay ít. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại NVL và đội ngũ kế toán có trình độ chuyên môn cao.

1.2 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

a) Nhiệm vụ

Tổ chức ghi chép phản ánh tập hợp số liệu về tình hình thu mua vận chuyển nhập – xuất – tồn kho NVL,CCDC, tính giá thực tế NVL thu mua và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng NVL,CCDC về số lượng, chất lượng mặt hàng . Hướng dẫn kiểm tra các phân xưởng , các kho và phòng ban thực hiện các chứng từ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu, mở sổ sách kế toán vật liệu và CCDC theo đúng chế độ và đúng phương pháp kế toán . Kiểm tra việc

chấp hành chế độ bảo quản nhập xuất NVL,CCDC, định mức dự trữ, định mức tiêu hao, phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất, xác định số lượng và giá trị NVL,CCDC tiêu hao phân bổ chính xác chi phí này cho các đối tượng sử dụng. Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá vật liệu, lập các báo cáo về vật liệu và phân tích tình hình thu mua bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu .

b) Tác dụng

Tổ chức công tác kiểm tra NVL,CCDC kịp thời, đầy đủ, chính xác và nghiêm túc là cơ sở cung cấp số liệu cho việc hạch toán giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp. Nhờ có công tác hạch toán NVL,CCDC mà doanh nghiệp biết được tình hình sử dụng NVL,CCDC rồi từ đó có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động . Hạch toán NVL,CCDC cung cấp những thông tin hữu ích, giúp cho doanh nghiệp có kế hoạch thu mua, dự trữ tránh tình trạng làm gián đoạn quá trình sản xuất.

1.2.2 Các chứng từ kế toán có liên quan

Hệ thống chứng từ kế toán về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp có quy mô lớn được áp dụng theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy mô vừa và nhỏ được áp dụng theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán chủ yếu liên quan đến kế toán nguyên vật liệu gồm:

1. Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT).
2. Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT).
3. Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03-VT).
4. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT).
5. Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05-VT).
6. Bảng kê mua hàng (mẫu 06-VT).
7. Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT).
8. Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT3/001).
9. Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT3/001).
10. Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03XKNB3/001).

Mọi chứng từ kế toán phải được tổ chức luân chuyển theo đúng trình tự và thời gian hợp lý do kế toán trưởng ở đơn vị quy định nhằm phục vụ cho việc ghi chép, tổng hợp và cung cấp số liệu kịp thời, đầy đủ cho các cá nhân, bộ phận liên quan.

Các sổ kế toán sử dụng cho kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Tùy theo mỗi đơn vị sử dụng phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu mà sử dụng các loại sổ kế toán khác nhau như: Sổ (thẻ) kho; Sổ đối chiếu luân chuyển, Sổ số dư. Ngoài các sổ kế toán nói trên còn có thể mở thêm các bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu nhằm phục vụ cho việc ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu được đơn giản nhanh chóng.

1.2.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp, yêu cầu quản lý của từng đơn vị mà có thể sử dụng một trong các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu sau đây:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

1.2.3.1 Phương pháp ghi thẻ song song

Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu thủ kho kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số thực nhập, thực xuất lên các chứng từ đó và vào thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho và ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã được phân loại theo từng thứ nguyên vật liệu lên phòng kế toán.

Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn từng thứ nguyên vật liệu theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất do thủ kho gửi lên, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào các chứng từ đó để ghi vào các sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán lập bảng kê nhập, xuất,

tồn nguyên vật liệu, sau đó đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu với thẻ kho; giữa bảng kê nhập, xuất, tồn với sổ cái 152 giữa số liệu của sổ kế toán chi tiết với sổ kiểm kê thực tế.

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra, đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép. Quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số hiện có của từng vật liệu và giá trị của chúng.

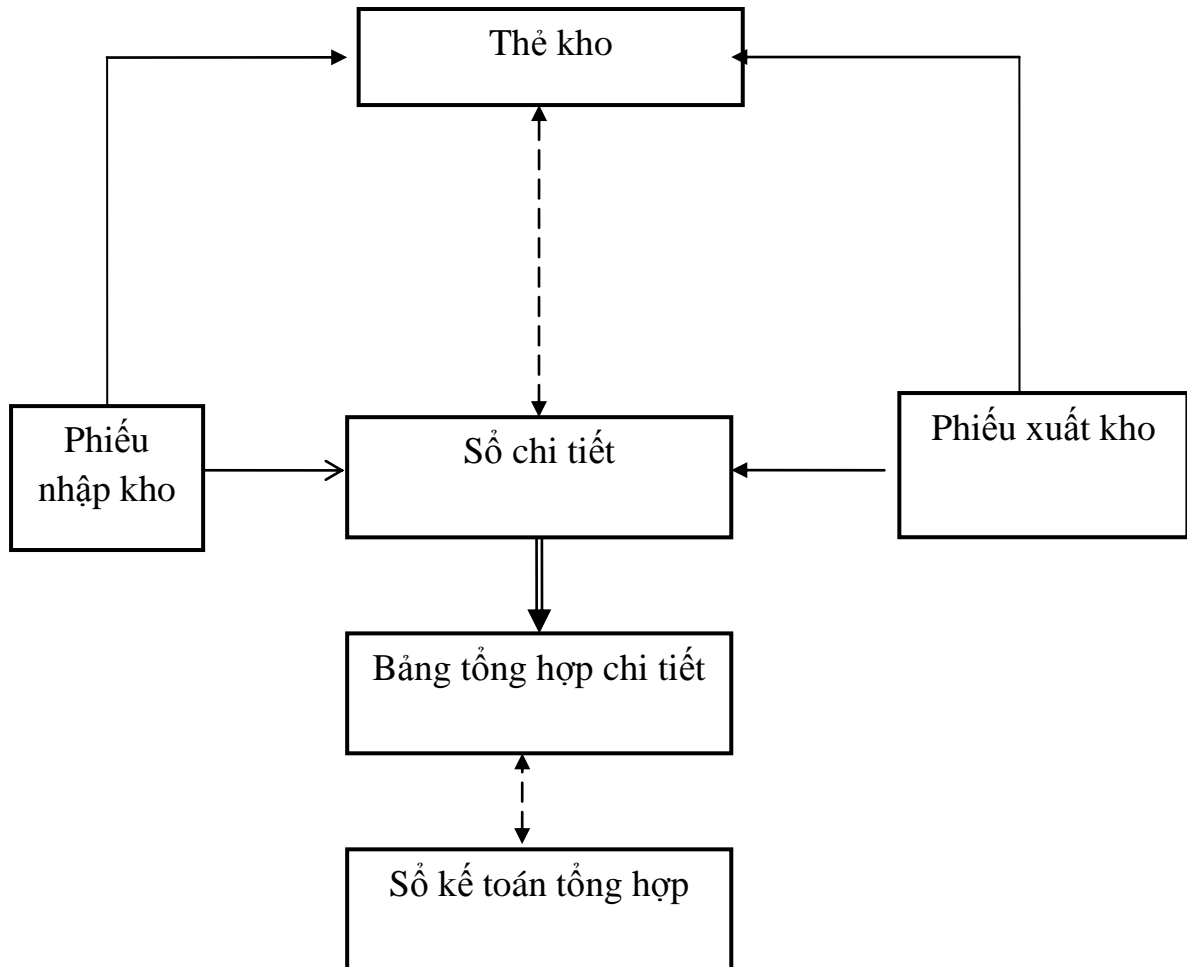
Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày. Hơn nữa việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

Phạm vi áp dụng: Phương pháp thẻ song song được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng nhập, xuất ít, không thường xuyên. Áp dụng cho doanh nghiệp dùng giá mua thực tế để ghi chép vật tư tồn kho.

Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song được khái quát bằng sơ đồ sau:

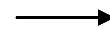
Sơ đồ 1.1

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

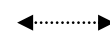
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu



1.2.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Tại kho: Sử dụng thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng vật liệu, công cụ dụng cụ thực nhập thực xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng. Cuối ngày thủ kho phải tổng cộng số nhập xuất tồn về mặt lượng.

Tại phòng kế toán : Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho dùng cho cả năm, nhưng

mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi về chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Ưu điểm: Giảm được khối lượng ghi chép so với phương pháp thẻ song song

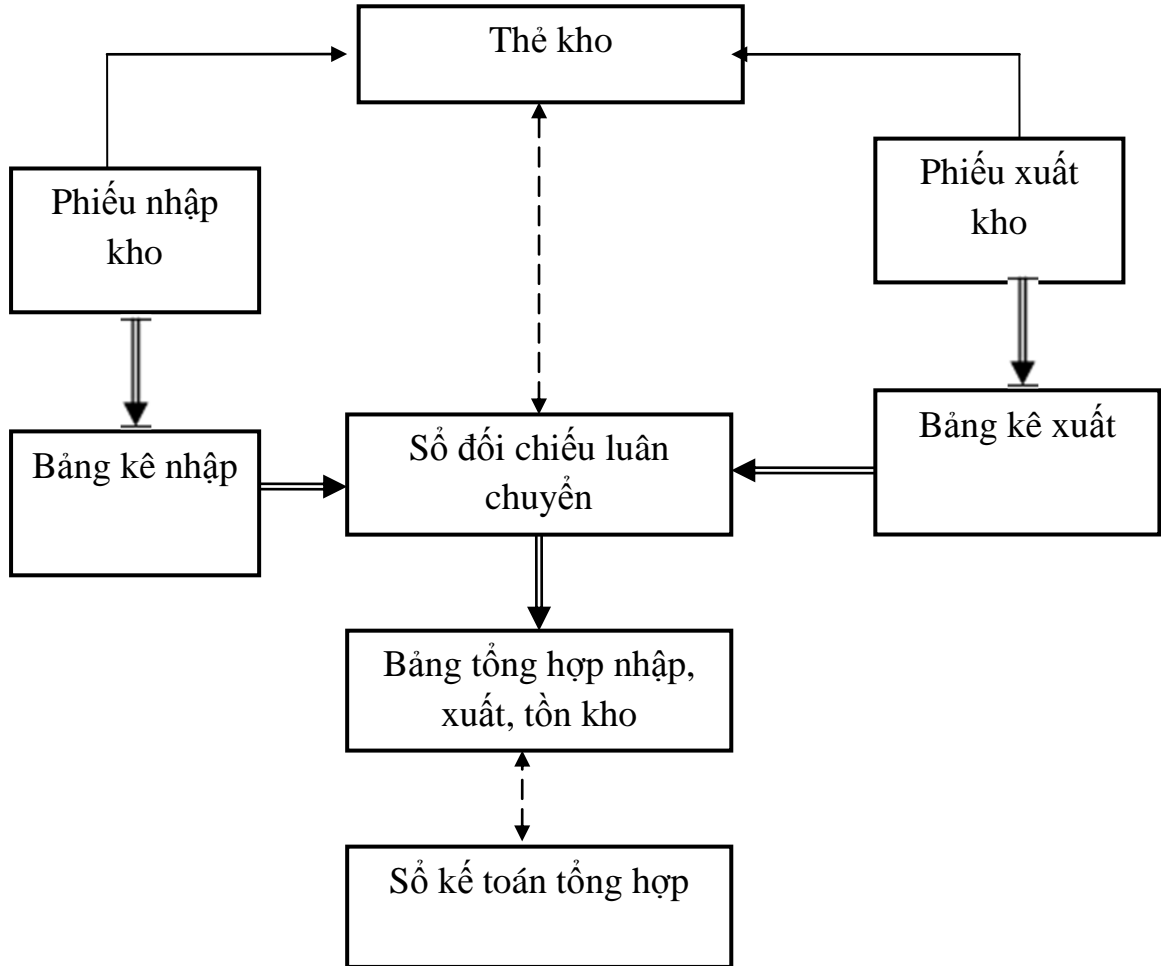
Nhược điểm: Vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa thủ kho và phòng kế toán, công việc dồn vào cuối tháng sẽ gây chậm số liệu, hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên của kế toán. Nếu không lập bảng kê nhập, xuất dễ gây nhầm lẫn, nhưng nếu lập số lượng ghi chép lớn.

Điều kiện áp dụng : Thích hợp với những doanh nghiệp không đòi hỏi cung cấp thông tin nhanh phục vụ cho quản trị vật tư.

Trình tự ghi sổ được khái quát bằng sơ đồ sau đây:

Sơ đồ 1.2

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

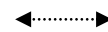
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu



1.2.3.3 Phương pháp ghi sổ số dư

Với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu, đồng thời số liệu chứng từ nhập, xuất của mỗi loại khá nhiều thì phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thích hợp nhất là phương pháp sổ số dư.

Tại kho: Sử dụng thẻ kho hoặc thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu, công cụ.

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng vật liệu, công cụ

thực nhập thực xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng. Cuối ngày thủ kho phải tổng cộng số nhập xuất tồn về mặt lượng. Sử dụng sổ số dư kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm giao cho thủ kho trước ngày cuối tháng trên sổ số dư được sắp xếp cho từng thứ, từng nhóm, loại và có dòng tổng cộng cho từng nội dung cụ thể, thủ kho ghi chỉ tiêu số lượng sau đó chuyển về phòng kế toán.

Tại phòng kế toán : Định kỳ kế toán kiểm tra về ghi chép trên sổ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho ký xác nhận vào từng thẻ kho và phiếu giao nhận chứng từ. Kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp giá trị theo từng nhóm, loại vật tư để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, số liệu này được ghi vào bảng kê lũy kế xuất. Cuối tháng căn cứ vào bảng kê lũy kế nhập, xuất để tổng cộng số tiền theo từng nhóm vật tư để ghi vào bảng kê nhập xuất tồn. Khi nhận được sổ số dư từ thủ kho kế toán ghi cột thành tiền theo giá hạch toán trên sổ số dư sau đó cộng theo nhóm loại vật tư. Kế toán đối chiếu số liệu giữa bảng kê nhập, xuất tồn kho với sổ số dư và với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Ưu điểm: Giảm nhẹ khối lượng ghi chép hàng ngày, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán với việc nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng ngày.

Nhược điểm: Nếu có sai sót khó phát hiện, khó kiểm tra và đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải khá nếu không sẽ dẫn đến sai sót.

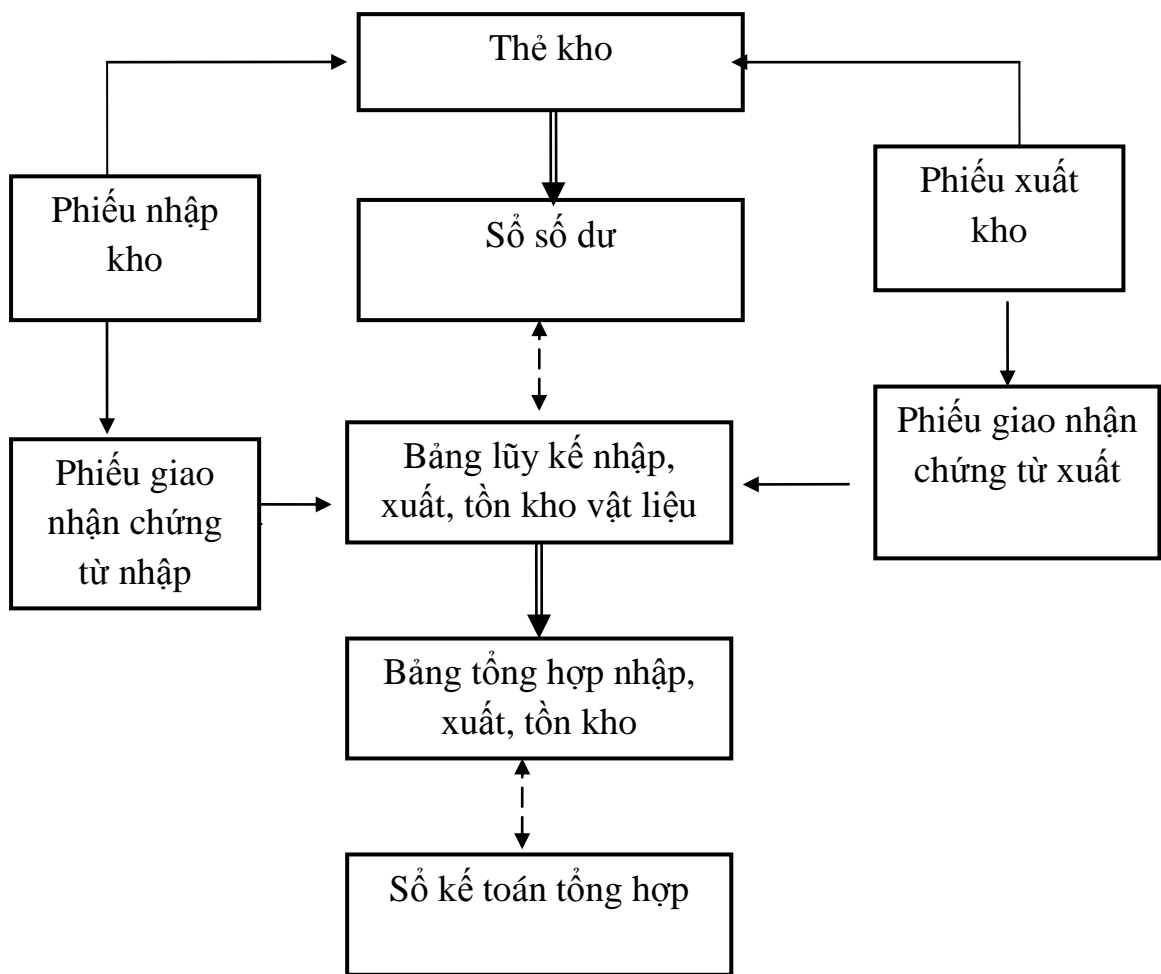
Điều kiện áp dụng : Vật tư có nhiều chủng loại, các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật

tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt.

Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư được khái quát bằng sơ đồ sau:

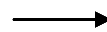
Sơ đồ 1.3

Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi sổ số dư



Ghi chú:

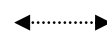
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu



1.2.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập - xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp có phương thức kiểm kê khác nhau. Có doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập, xuất kho (mỗi lần nhập, xuất kho đều có cân đong, đo, đếm) nhưng cũng có những doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ bằng cách cân, đo, đong, đếm, ước lượng nguyên vật liệu tồn cuối kỳ. Tương ứng với hai phương thức kiểm kê trên, trong kế toán nguyên vật liệu nói riêng và kế toán các loại hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp hạch toán tổng hợp là KKTX và KKĐK.

1.2.4.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có tình hình biến động tăng giảm vật tư hàng hoá. Vì vậy giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, hàng tồn kho so sánh và đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có chất lượng cao.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để theo dõi tình hình hiện có và tình hình biến động NVL, CCDC kế toán sử

dụng các tài khoản sau:

+ *Tài khoản 152: “Nguyên liệu, vật liệu”:*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

☞ *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu:*

Bên Nợ:

- Trị giá nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến, thuê ngoài gia công, chế biến, góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê.

Bên Có:

- Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê.

Số dư cuối kỳ bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

TK 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng loại, nhóm thứ vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính.
- TK 1522: Vật liệu phụ.
- TK 1523: Nhiên liệu.
- TK 1524: Phụ tùng thay thế.
- TK 1528: Vật liệu khác.

+ *Tài khoản 153: “Công cụ dụng cụ”:*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại công cụ dụng cụ trong kho của doanh nghiệp.

☞ *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 153 - Công cụ dụng cụ:*

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế công cụ dụng cụ nhập kho.

- Trị giá công cụ dụng cụ phát hiện thừa khi kiểm kê.

Bên Có:

- Trị giá thực tế công cụ dụng cụ xuất kho.
- Trị giá thực tế công cụ dụng cụ phát hiện khi kiểm kê.

Số dư cuối kỳ bên Nợ: Trị giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ.

TK 153 được chi tiết thành 3 TK cấp 2:

- TK 1531: Phản ánh giá trị CCDC dự trữ để sử dụng trong doanh nghiệp.
- TK 1532: Bao bì luân chuyển.
- TK 1533: Đồ dùng cho thuê.

+ *Tài khoản 151: “Hàng mua đang đi đường”:*

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

☞ *Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 151 - Hàng mua đang đi đường:*

Bên Nợ: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường.

Bên Có: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

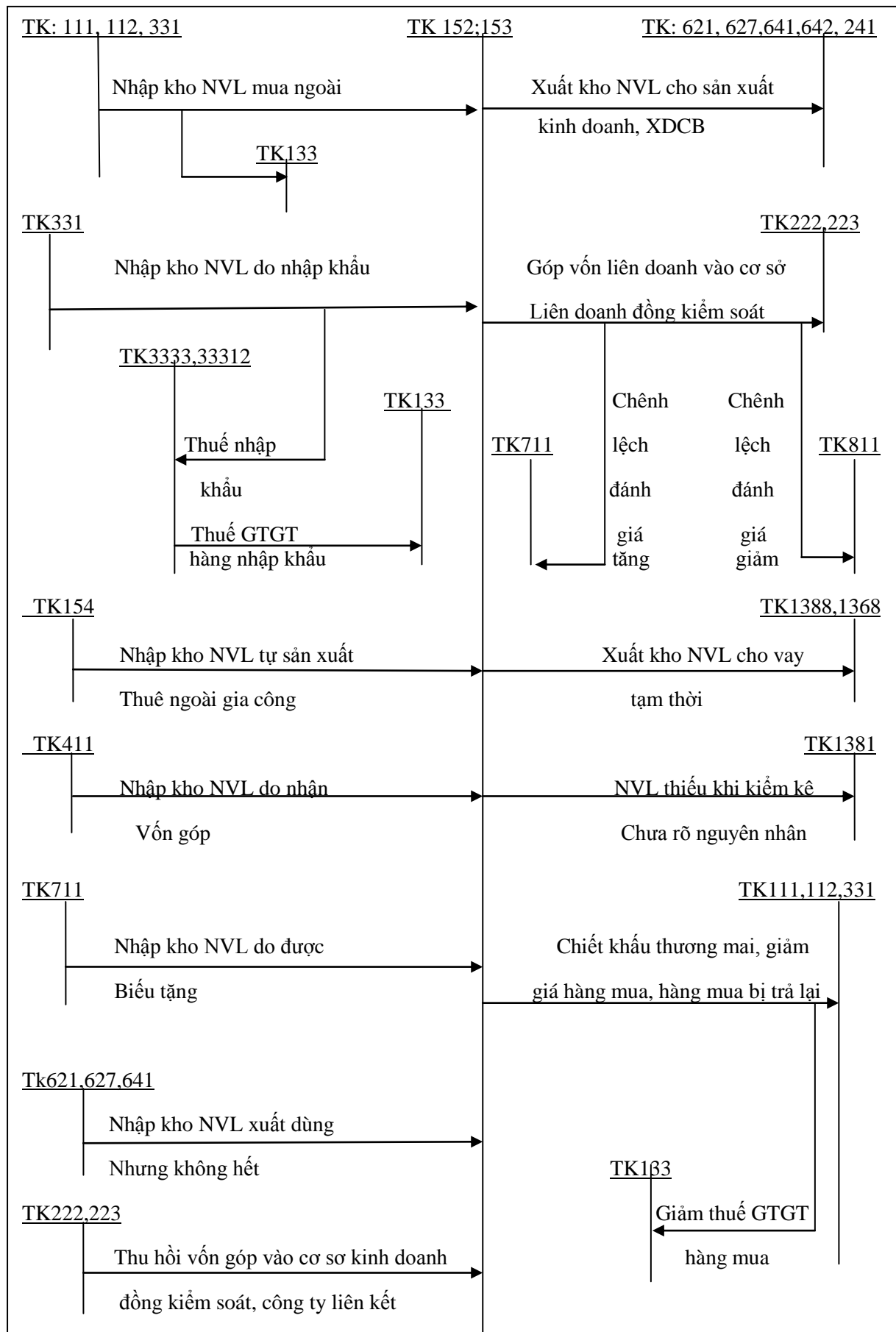
Số dư cuối kỳ bên Nợ: Trị giá vật tư, hàng hoá đã mua nhưng còn đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: 133, 331, 111, 112...

❖ Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên:



1.2.4.2 Kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá vật tư đã xuất dùng theo công thức:

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ	=	Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá hàng nhập kho trong kỳ	-	Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ
--------------------------------	---	-----------------------------	---	--------------------------------	---	------------------------------

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hoá (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của hàng hoá mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611- “Mua hàng”). Công tác kiểm kê vật tư hàng hoá được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho thực tế, trị giá hàng hoá, vật tư xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611- “Mua hàng”. Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán

hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ. Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng cho các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hoá, vật tư với quy cách mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp. Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm: đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về giá trị vật tư hàng hoá xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

❖ Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 611: “Mua hàng”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng hoá mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

☞ *Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 611 - Mua hàng:*

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại...

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là bán trong kỳ).
- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản này không có số dư và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

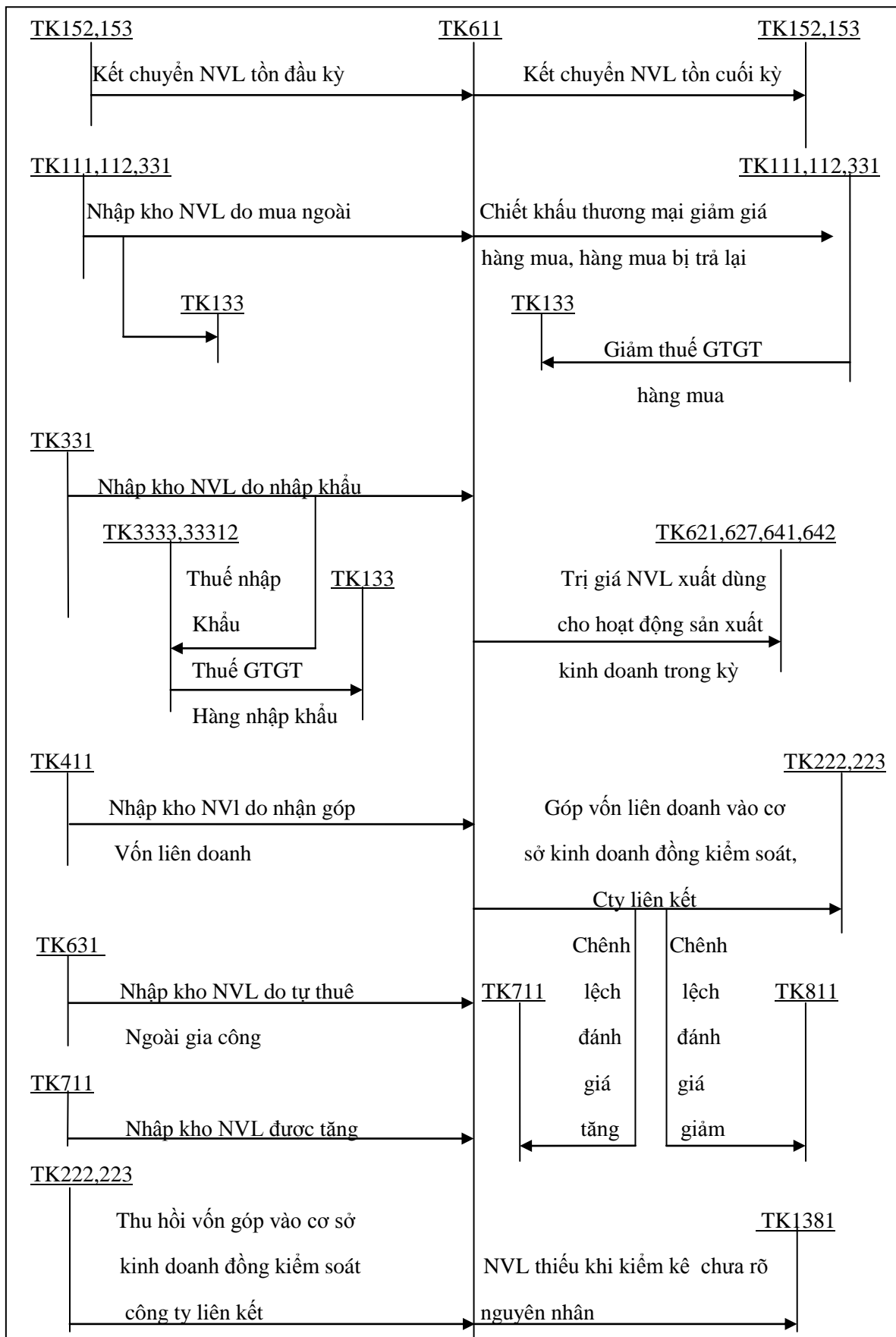
+ Tài khoản 6111: “Mua nguyên vật liệu”.

+ Tài khoản 6112: “Mua hàng hoá”.

❖ Phương pháp hạch toán:

Theo phương pháp này sự biến động của nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được tổng hợp qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



1.2.5 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc. Nếu sản phẩm do chúng góp phần tạo nên sẽ bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà giá thành sản xuất cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

☞ Tài khoản 159 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho có kết cấu như sau”:

Bên Nợ:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư cuối kỳ bên Có:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán:

-Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

-Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch như sau:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

-Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159: Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.3 Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán. Theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006, các Doanh nghiệp sử dụng một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung.
- Hình thức Nhật ký - sổ cái.
- Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật ký - chứng từ.
- Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

1.3.1 Hình thức Nhật ký chung.

Hình thức này được áp dụng với điều kiện lao động thủ công hoặc loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế

(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

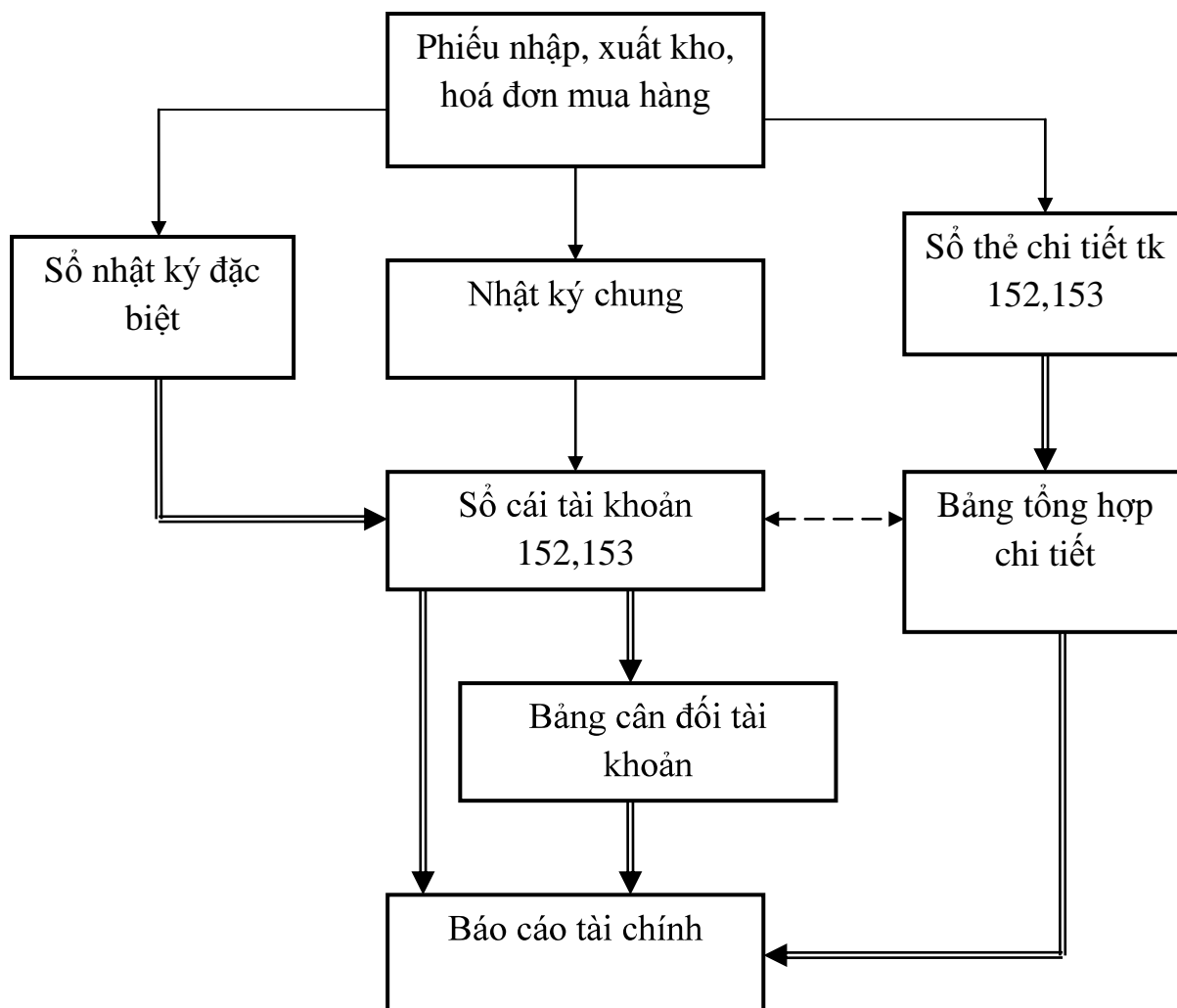
-Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt

-Sổ cái

-Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Đây là hình thức được công ty áp dụng trong việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh. Sau đây là sơ đồ phản ánh chu trình luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:



Ghi chú:

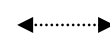
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Quan hệ đối chiếu



1.3.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái

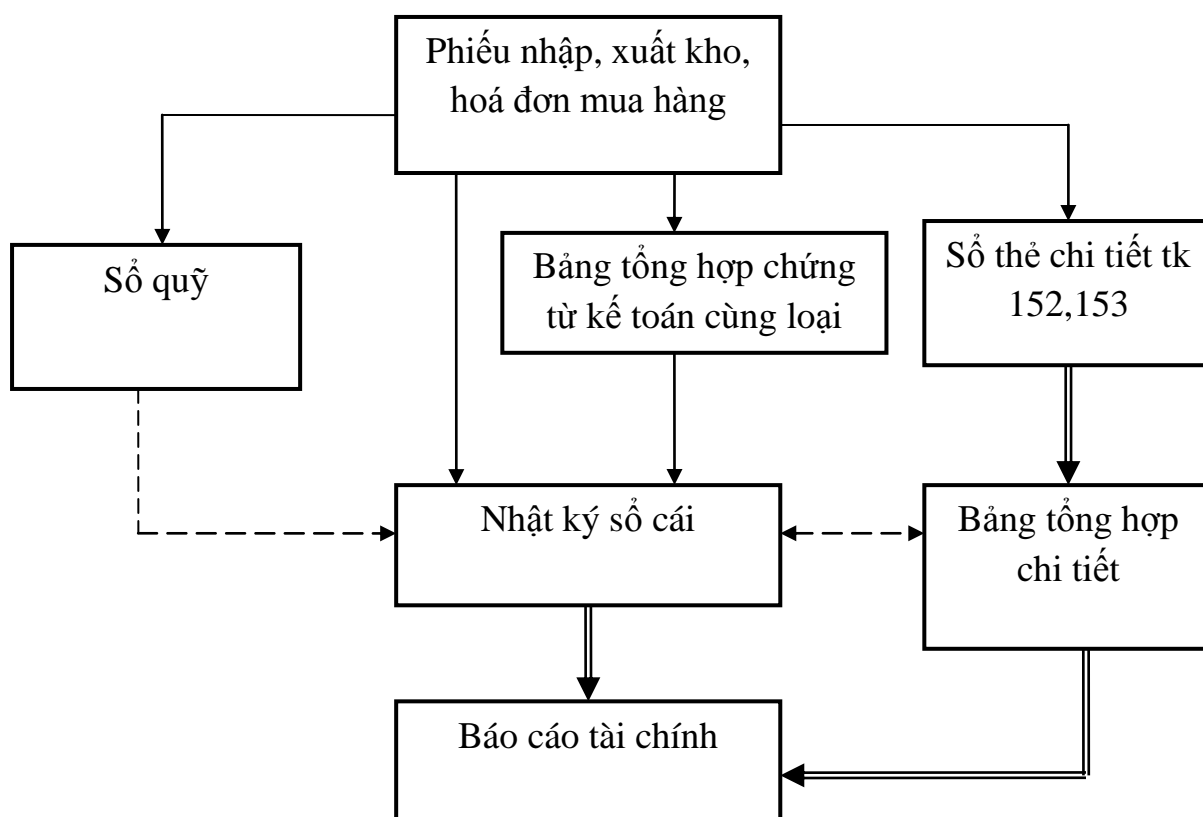
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi chép vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sau đây là sơ đồ phản ánh chu trình luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán Nhật ký –Sổ cái

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký –Sổ cái:



Ghi chú:

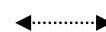
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Quan hệ đối chiếu



1.3.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Hình thức này cũng được áp dụng với những loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô vừa và nhỏ, trình độ quản lý thấp, có nhu cầu phân công lao động kế toán. Đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ - ghi sổ: căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

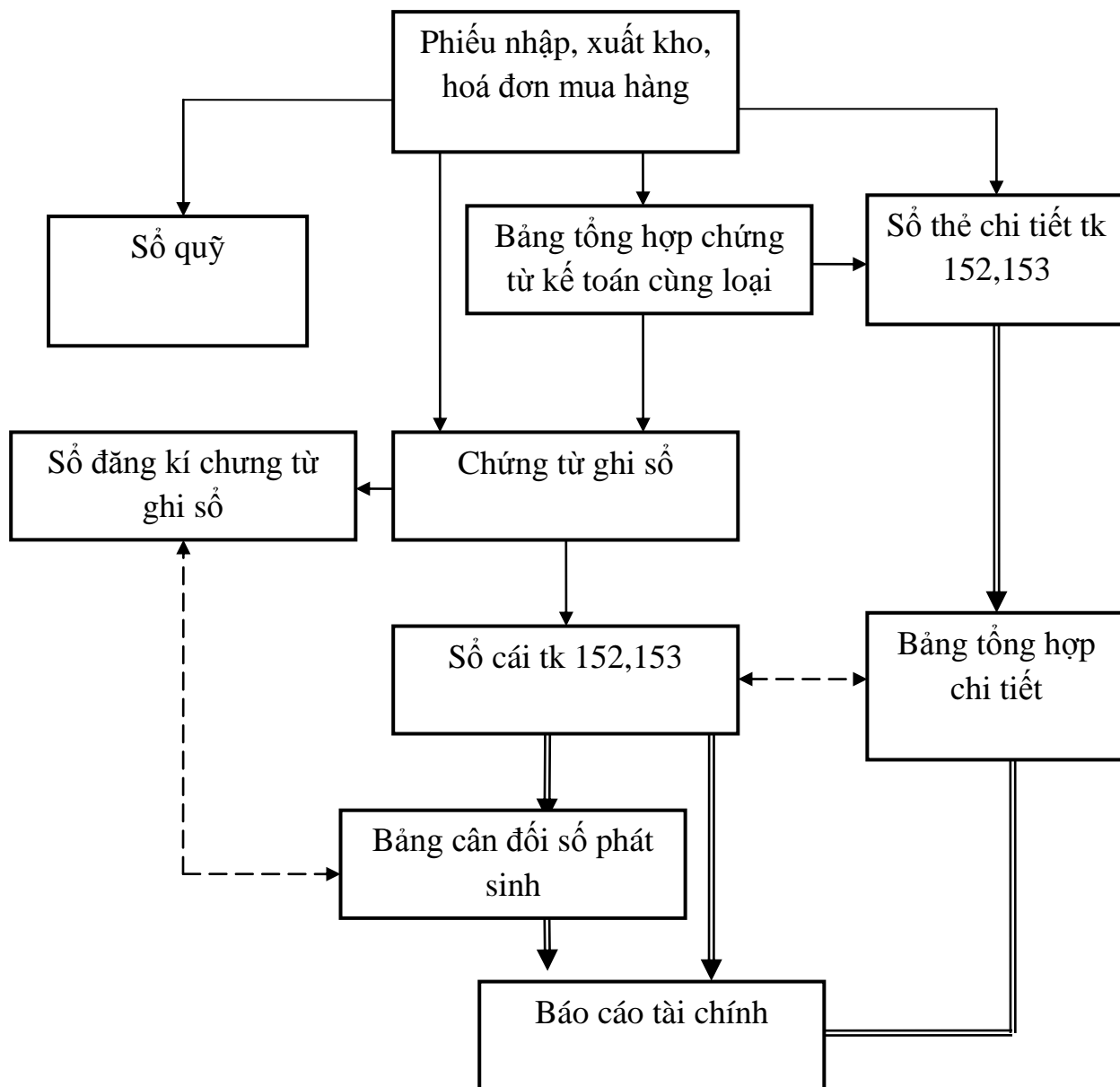
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sau đây là sơ đồ phản ánh chu trình luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

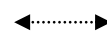
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Quan hệ đối chiếu



1.3.4 Hình thức Nhật ký - Chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Chứng từ:

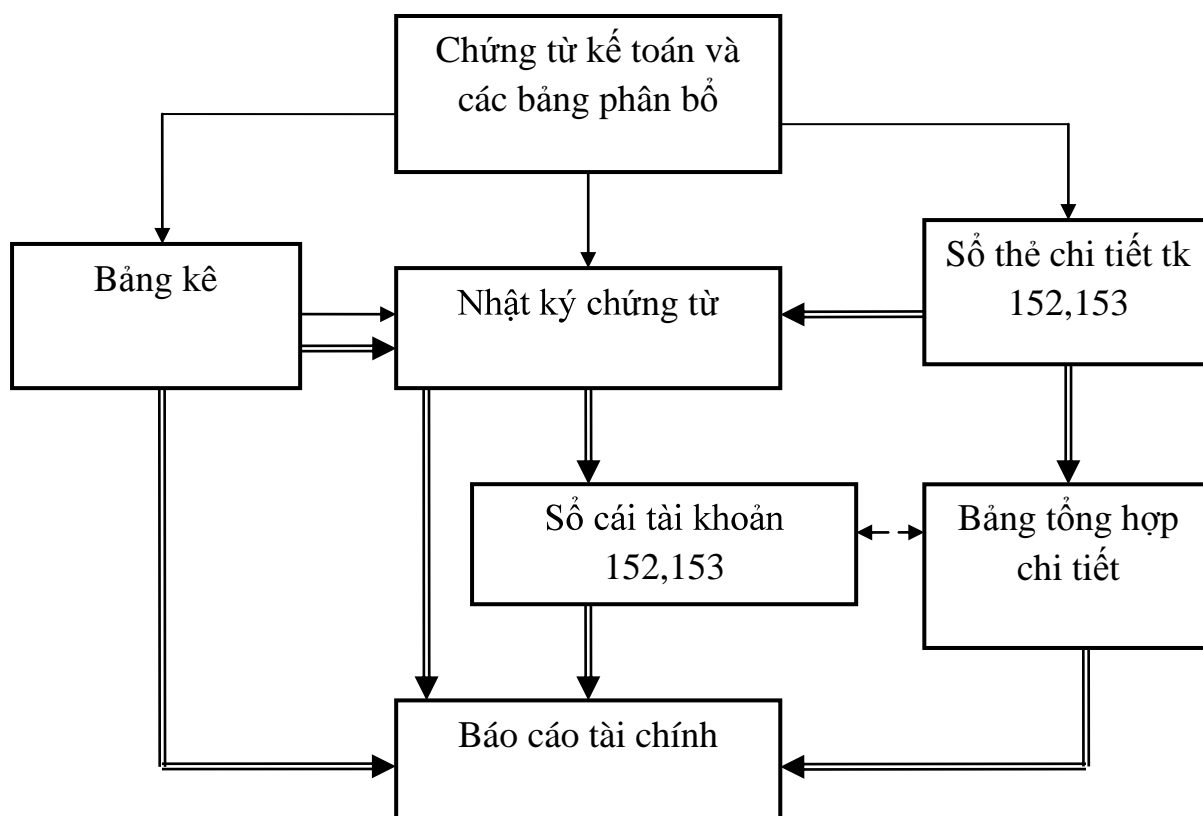
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Sau đây là sơ đồ phản ánh chu trình luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- chứng từ:



Ghi chú:

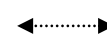
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Quan hệ đối chiếu

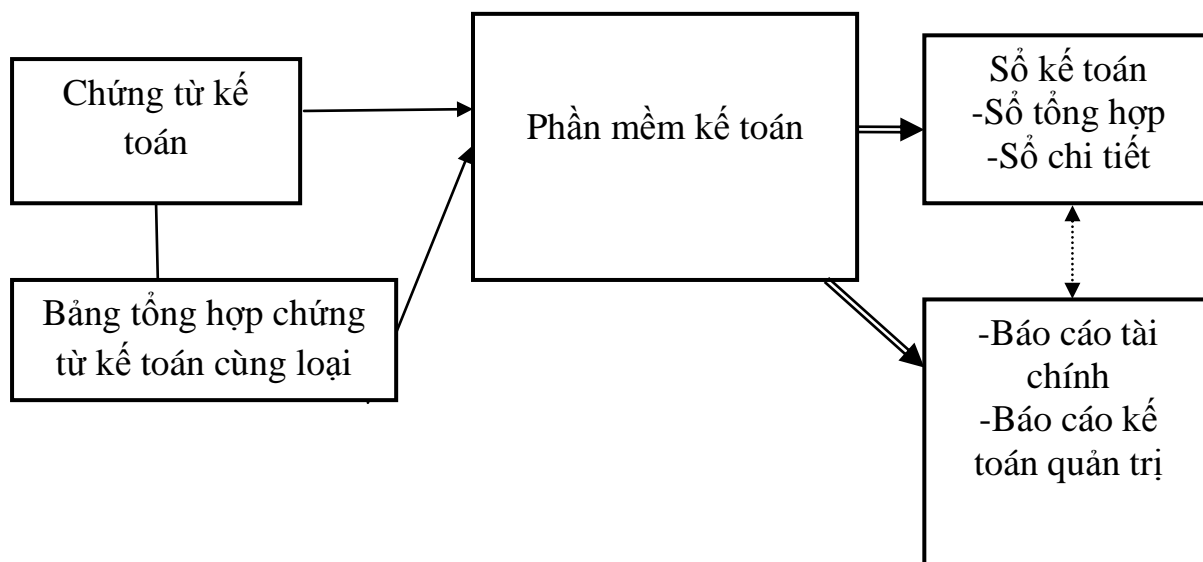


1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sau đây là sơ đồ phản ánh chu trình luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:



1.4 Cơ sở của việc tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.4.1 Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có hiệu quả, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp. Vì vậy, quản lý NVL, CCDC là đòi hỏi tất yếu mà doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm và có biện pháp cụ thể thiết thực. Quản lý nguyên vật liệu ở đây không những về mặt hiện vật mà cả về mặt giá trị trong các khâu từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

Khâu thu mua: Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp thì nguồn NVL, CCDC chủ yếu là do mua ngoài, vì vậy trong quá trình thu mua phải xác định được nguồn thu mua và phải quản lý cả về số lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã giá cả, địa điểm sao cho phù hợp và thuận tiện nhất có như vậy sẽ góp phần hạ thấp được hao phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong giá thành.

Khâu bảo quản: NVL, CCDC mua về phải có hệ thống kho tàng bền bỉ, cách thức bảo quản khoa học, hợp lý nhằm giữ nguyên chất lượng, giảm thiểu thấp nhất những chi phí có thể xảy ra. Đối với mỗi loại NVL, CCDC phải thực hiện đúng các chế độ bảo quản, xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nhằm giảm bớt thấp nhất những hao hụt, mất mát chất lượng NVL, CCDC.

Khâu dự trữ: Đây là một khâu hết sức quan trọng bởi xác định được lượng dự

trữ vừa đủ sẽ đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục thường xuyên, đúng hợp đồng, đồng thời tránh được lãng phí, gây ứ đọng vốn, hao hụt mất mát do dự trữ quá nhiều .

Khâu sử dụng: Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, vì vậy sử dụng đúng định mức yêu cầu kỹ thuật, đúng loại và đúng quy trình sản xuất sẽ đảm bảo hạ giá thành sản xuất tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Ngoài việc quản lý NVL,CCDC về mặt hiện vật, thường xuyên kiểm kê, tránh gây mất mát thì quản lý về mặt giá trị cũng rất quan trọng. Tránh để tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu làm cho chất lượng bị giảm (như ẩm mốc, hết hạn sử dụng...). Các nguyên nhân chủ yếu làm giảm chất lượng giá trị sử dụng của NVL,CCDC chủ yếu do các nguyên nhân khách quan như : mưa, gió, lũ lụt...và do các nguyên nhân chủ quan : hết hạn sử dụng...

Khâu hạch toán: Hạch toán kế toán nguyên vật liệu chính xác kịp thời sẽ cung cấp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình thu mua nhập, xuất, dự trữ NVL,CCDC, chất lượng, chủng loại, số lượng có lẫn bắt được nhu cầu sản xuất hay không, từ đó có biện pháp tổ chức, quản lý và sử dụng hợp lý.

1.4.2 Biện pháp tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp .

Khâu thu mua:

- Xác định đúng dẫn lượng nguyên vật liệu,công cụ dụng cụ cần mua trong kỳ
- Xác định và lựa chọn nguồn cung ứng, người cung ứng thích hợp để đạt các mục tiêu: Giá cả mua vào thấp, các điều khoản thương lượng có lợi cho doanh nghiệp và tất cả gắn liền với chất lượng vật tư hàng hóa phải đảm bảo.
- Lựa chọn các phương tiện vận chuyển phù hợp để tối thiểu hóa chi phí vận chuyển, xếp dỡ.
- Thường xuyên theo dõi sự biến động của thị trường vật tư, hàng hóa. Dự đoán xu thế biến động trong kỳ tới để có quyết định điều chỉnh kịp thời việc mua sắm, vật tư có lợi cho doanh nghiệp trước sự biến động của thị trường.

Khâu dự trữ và bảo quản

- Thường xuyên theo dõi sự biến động của thị trường vật tư, hàng hóa. Dự đoán

xu thế biến động trong kỳ để có quyết định điều chỉnh kịp thời việc dự trữ vật tư, có lợi cho doanh nghiệp trước sự biến động của thị trường.

-Thường xuyên kiểm tra, nắm vững tình hình dự trữ, phát hiện kịp thời tình trạng vật tư bị ứ đọng, không phù hợp để có biện pháp giải phóng nhanh số vật tư đó, thu hồi vốn.

-Thường xuyên cải tạo nâng cấp các kho tàng, bến bãi nhằm đảm bảo về mặt số lượng, chất lượng NVL,CCDC.

-Cần áp dụng thưởng, phạt tài chính để tránh tình trạng bị mất mát, hao hụt quá mức hoặc vật tư hàng hóa bị kém, mất phẩm chất.

Khâu hạch toán:

-Đội ngũ công tác kế toán NVL,CCDC không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ và nghiệp vụ để đáp ứng việc hạch toán NVL,CCDC kịp thời, chính xác.

-Công ty cần chú trọng tổ chức và thực hiện kế toán quản trị nhằm đáp ứng tối đa việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Trên mỗi khâu cần phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm cho người lao động.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC 19-5

2.1 Đặc điểm tình hình chung của công ty

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty cổ phần Đức 19-5 tiền thân là Xí nghiệp 19-5 được thành lập ngày 19-5-1960. Trong buổi lễ cắt băng khánh thành có sự tham gia chứng kiến của đồng chí Vũ Anh – Thứ trưởng bộ công nghiệp nhẹ, đồng chí Hoàng Hữu Nhân – Bí thư Thành uỷ- thay mặt cho Thành uỷ, UBND thành phố đọc quyết định đặt tên cho Công ty là “Xí nghiệp 19-5”, Xí nghiệp mang tên ngày sinh nhật Bác.

Xí nghiệp 19-5 cổ phần hóa đổi tên thành Công ty cổ phần Đúc 19-5 theo Quyết định 1613/QĐ-UB ngày 07 tháng 06 năm 2004 của UBND Thành phố Hải Phòng.

- Trụ sở chính: Km13 QL10- Kênh Giang - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty: Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, sản phẩm luyện kim, cán kéo và gia công cơ khí. Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy và phá dỡ tàu cũ. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng lắp đặt các công trình dân dụng công nghiệp. Dịch vụ thương mại tổng hợp. Sửa chữa và kinh doanh vật tư, thiết bị phương tiện đường bộ. Kinh doanh vật tư, thiết bị điện. Xây lắp các công trình điện đến 35KV. Sản xuất và kinh doanh, chế biến lâm sản. Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách thủy, bộ. Kinh doanh khách hàng, khách sạn. Kinh doanh thiết bị văn phòng. Dịch vụ ăn uống.

2.1.2 Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty cổ phần đúc 19-5.

2.1.2.1 Đặc điểm sản phẩm

Công ty CP Đúc 19-5 là một doanh nghiệp chuyên sản xuất kinh doanh các mặt hàng truyền thống như:

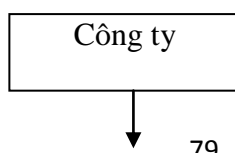
- Đúc các chi tiết bằng gang và bằng thép.
- Gia công cơ khí cắt gọt.

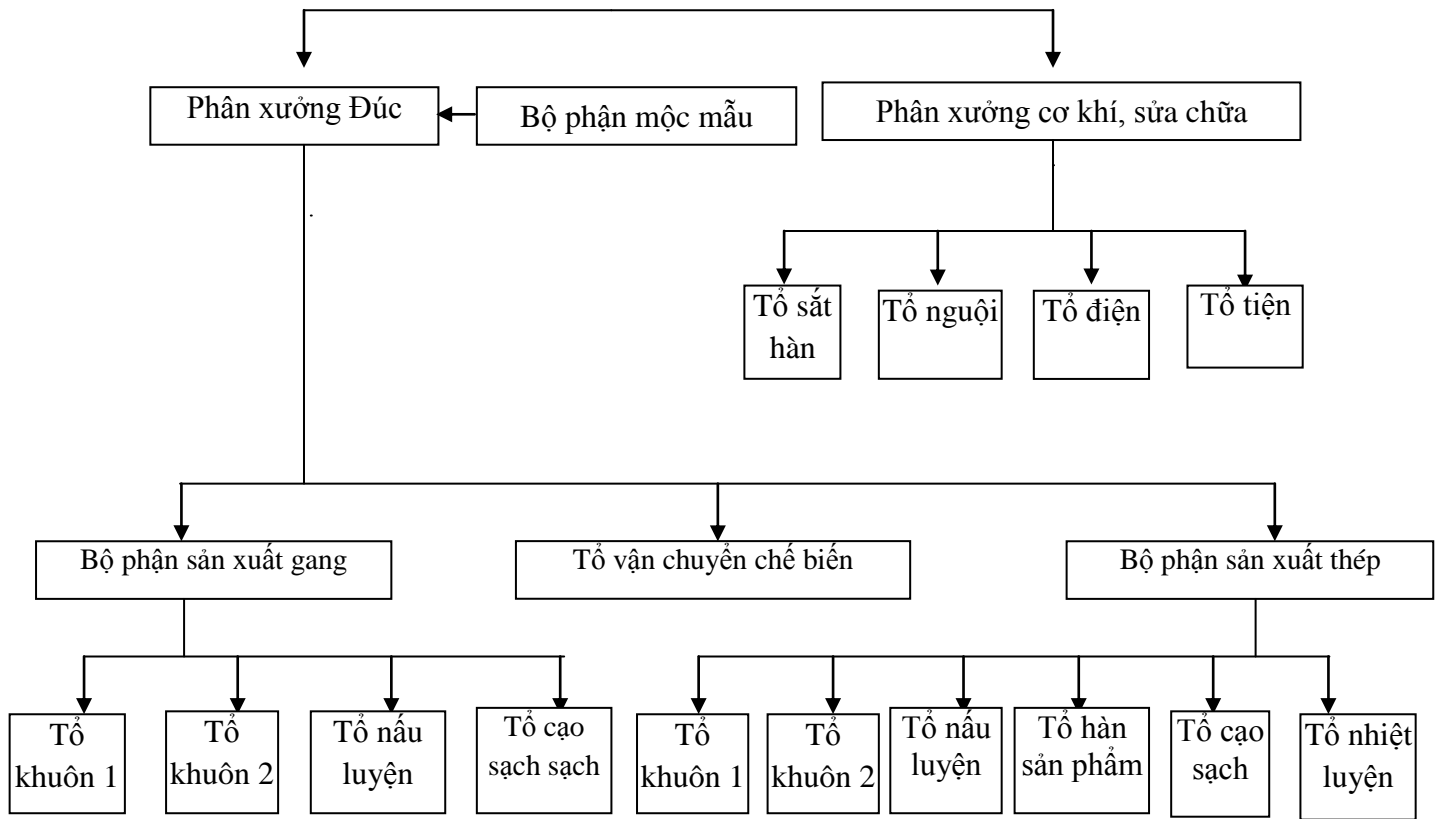
Những sản phẩm chủ yếu của công ty là các phụ kiện phục vụ vùng mỏ Quảng Ninh như: xe goòng, gông chống lò, đúc bi nghiền phục vụ cho các nhà máy xi măng và các nhà máy điện cùng với đúc các chi tiết bằng gang, đúc thép chi tiết trong đó có các phụ kiện chi tiết máy công cụ, các phụ kiện phục vụ cho ngành sửa chữa và đóng tàu.

2.1.2.2 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Có thể phác họa quy trình sản xuất sản phẩm của công ty bằng sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức sản xuất của Công ty

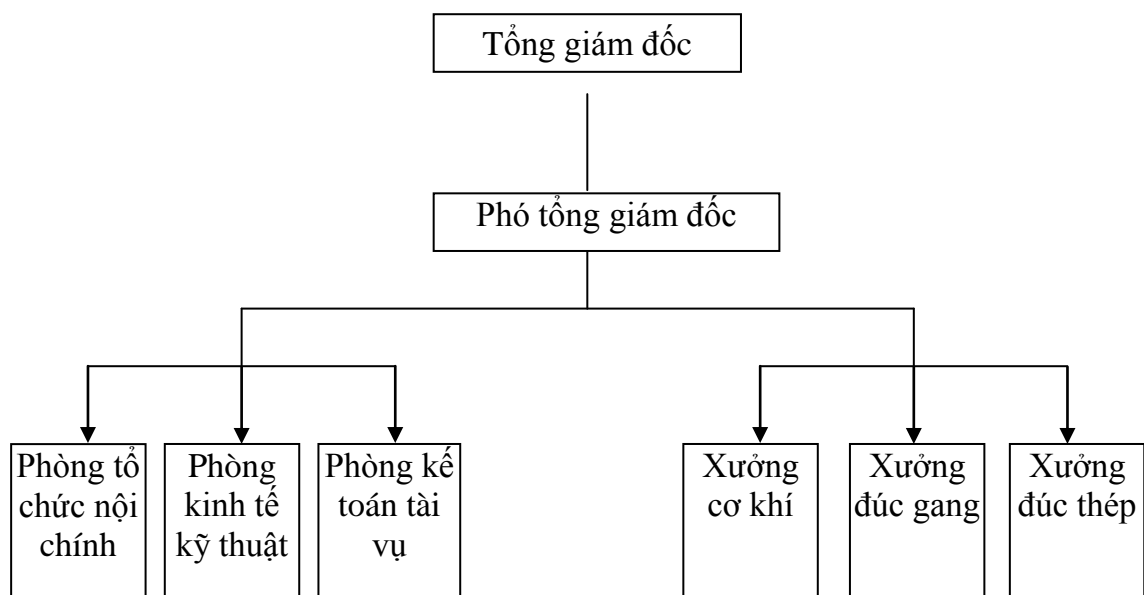




2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần đúc 19-5

Công ty cổ phần Đúc 19-5 tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến, chức năng gồm có: Ban giám đốc, các phòng ban chức năng hoạt động một cách linh hoạt trợ giúp bổ xung cho nhau.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý



+ Tổng giám đốc:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành giám sát đôn đốc mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và tập thể cán bộ công nhân viên chức và kết quả mọi hoạt động của Công ty.

+ Phó Tổng giám đốc:

- Giúp việc, tham mưu cho tổng giám đốc...

+ Nhiệm vụ chức năng của phòng tổ chức hành chính nội chính

- Phụ trách công tác cán bộ, công tác dân sự, công tác tiền lương.

- Quản trị hành chính.

- Chăm lo công tác nội chính, đời sống của cán bộ công nhân viên.

- Đào tạo cán bộ công nhân viên (đào tạo nhân lực), tuyển dụng nhân lực.

+ Nhiệm vụ chức năng của phòng kinh tế kỹ thuật:

- Hợp đồng kinh tế (theo dõi hợp đồng, thanh lý hợp đồng).

- Tính giá thành kế hoạch, làm công nghệ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.

Điều hành sản xuất, hiện trường kỹ thuật, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Mua vật tư, chế biến vật tư, cấp phát vật tư. Bán hàng, quản lý thiết bị. Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất, nghiên cứu sản phẩm mới.

+ Nhiệm vụ, chức năng của phòng kế toán – tài vụ: Quản lý tiền, hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tham mưu cho giám đốc các biện pháp triển khai thực hiện kế hoạch tài chính.

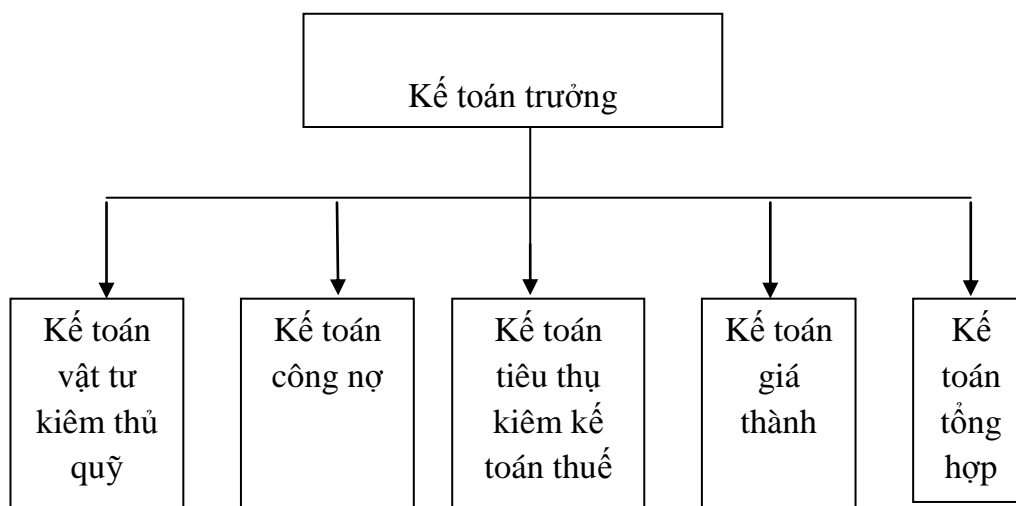
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần đúc 19-5

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần đúc 19-5

Bộ máy kế toán ở công ty Cổ phần đúc 19-5 gồm 6 nhân viên và được tổ chức theo mô hình tập trung, có nghĩa là đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở tất cả các phần hành kế toán. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng. Hàng ngày chứng từ về phòng kế toán, kế toán thanh toán phân loại, xử lý ghi vào sổ chi tiết, lên bảng kê chứng từ ghi sổ, chuyển qua kế toán

trường, cuối tháng lập sổ cái, bảng cân đối kế toán. Quan hệ giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán là quan hệ theo kiểu trực tuyến, tức là kế toán trưởng trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán phân hành không thông qua trung gian nhận lệnh. Bộ máy kế toán trên góc độ tổ chức lao động kế toán là tập hợp đồng bộ các nhân viên lao động kế toán để đảm bảo thực hiện khối lượng công tác kế toán phân hành với đầy đủ chức năng thông tin và kiểm tra. Các nhân viên trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phân hành trong bộ máy kế toán. Cụ thể bộ máy kế toán của Công ty gồm các nhân viên với chức năng, nhiệm vụ như sau:

Sơ đồ 2.3: sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



** Chức năng của từng người trong bộ máy.*

- Kế toán trưởng: chỉ đạo công việc chung, chịu trách nhiệm đối nội đối ngoại của phòng. Thông tin và kiểm tra hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều hành kiểm soát hoạt động của bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán tài chính của Công ty. Tổ chức kiểm tra công tác kế toán ở Công ty.

- Kế toán vật tư kiêm thủ quỹ: Theo dõi, ghi chép vật tư mua vào, vật tư xuất dùng cho sản xuất, sau đó ghi vào sổ chi tiết chi tiết vật tư cuối kỳ làm căn cứ ghi vào bảng Xuất – Nhập – Tồn. Đồng thời quản lý tiền mặt, căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất quỹ, nhập quỹ và ghi sổ quỹ.

- Kế toán công nợ: Thực hiện việc ghi chép, theo dõi, thanh toán công nợ với người bán và khách hàng.
- Kế toán tiêu thụ kiêm kế toán thuế: Lập hoá đơn bán hàng, hàng tháng tập hợp hoá đơn GTGT đầu vào và hoá đơn đầu ra để làm căn cứ quyết toán thuế, tính thuế và nộp thuế.
- Kế toán giá thành: Chịu trách nhiệm về hạch toán, tập hợp số liệu từ các sổ chi tiết có liên quan để tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh.
- Kế toán tổng hợp: Tập hợp tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ để ghi vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản. Cuối kỳ lập các báo cáo tài chính.

2.1.4.2 Hình thức kế toán ở Công ty

Chế độ kế toán: Hiện nay Công ty đang áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài chính ban hành. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 cho năm báo cáo.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Việt Nam đồng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

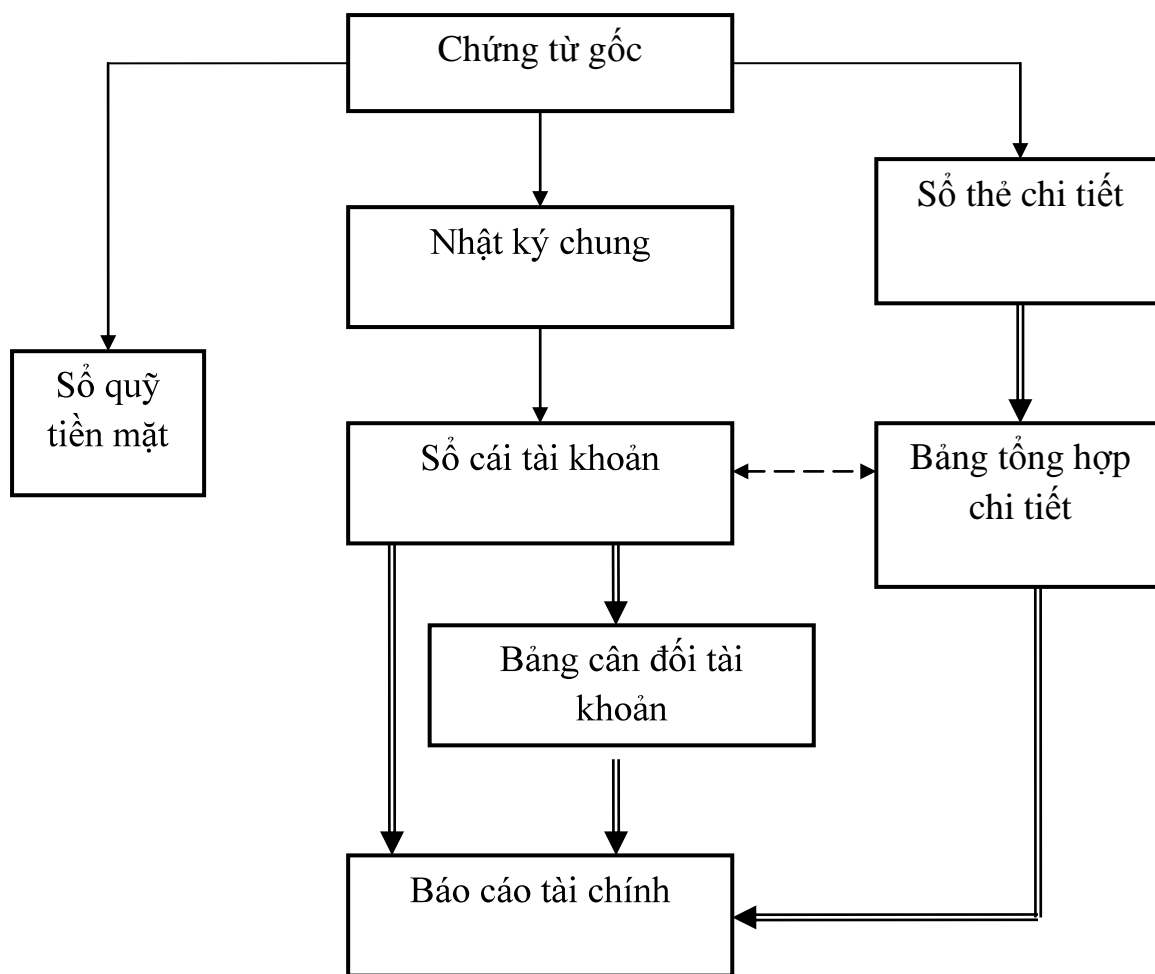
Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: xác định theo giá gốc.

Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu: Phương pháp thẻ song song
 Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho: Phương pháp Nhập trước - xuất trước.

Hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần đúc 19-5 đã áp dụng hình thức sổ sách kế toán Nhật ký chung và tuân thủ đầy đủ các quy định trong chế độ về hệ thống sổ sách cũng như trình tự kế toán của hình thức kế toán này. Sau đây là sơ đồ quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần đúc 19-5

Sơ đồ 2.4 :sơ đồ quy trình hạch toán tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Quan hệ đối chiếu



Hàng ngày tập hợp các phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn mua hàng để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 152, 153. Đồng thời phải ghi các nghiệp vụ phát sinh đó vào các sổ thẻ chi tiết liên quan.

Cuối kỳ cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần đúc 19-5

2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.1.1 Đặc điểm và cách phân loại nguyên vật liệu

Để có thể thực hiện tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì trước hết doanh nghiệp phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Có nhiều cách phân loại khác nhau dựa trên những tiêu thức khác nhau.

- Căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu thì nguyên vật liệu của Công ty được chia thành:

+ Nguyên vật liệu chính: sắt phế liệu, gang phế liệu, gang thổi...

+ Nguyên vật liệu phụ: Nhôm phế liệu, Fero Mn, Fero Si, ô xy, đất đèn, que hàn, phân chì, mật mía, đất sét, than điện cực, mùn cưa, cát trắng, cát mắt tôm, đá xanh, bìa amiăng, đinh qua lửa, bột sơn khuôn, gạch Mg, than cốc, nước thủy tinh, vải amiăng, gỗ mẫu, hàn the, sạn Mg, bột samôt, gạch sa môt, đinh các loại, tôn 2-26 ly, thép tròn, thép dẹt, mỡ YC2, vòng bi 208, bạc đồng đúc, êcu M24, thép vuông, bột bắt vít, bu lông, thép nhíp, thép gió P18, dầu Diêzen, xăng, dầu, vòng bi 3613, vòng bi 7313, êcu M6, thép Φ6-190, thép U-I...

+ Nguyên vật liệu khác: những nguyên vật liệu thuộc nhóm phụ từng thay thế, phụ tùng đồ điện, phụ tùng ô tô, nhiên liệu,...

Tương ứng với cách phân loại này, kế toán nguyên vật liệu Công ty sử dụng các tiểu khoản như sau:

TK 1521 : Nguyên vật liệu chính.

TK 15211 : Thép phế liệu.

TK 15212 : Gang phế liệu.

TK 1522 : Vật liệu phụ.

TK 1523 : Nguyên vật liệu khác

2.2.1.2 Đặc điểm và cách phân loại công cụ dụng cụ

Công ty không sử dụng bao bì luân chuyển và đồ dùng cho thuê và chỉ dùng các công cụ dụng cụ trực tiếp sản xuất bao gồm:

Dụng cụ đồ dùng: đục, chèn, chèo chọc sạch, cọc cũ, búa, chày hơi

Dụng cụ bảo hộ lao động: quần áo bảo hộ, mũ bảo hộ, găng tay

Dụng cụ quản lý: bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính...

Công ty sử dụng duy nhất TK 153 để hạch toán công cụ dụng cụ

Căn cứ vào giá trị và thời gian sử dụng, công cụ dụng cụ được chia thành:

+ Loại phân bổ một lần: bao gồm các công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ hơn 2 triệu đồng và có thời gian sử dụng không quá 1 năm.

+ Loại phân bổ nhiều lần: Bao gồm các công cụ dụng cụ có giá trị lớn hơn 2 triệu đồng và có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.

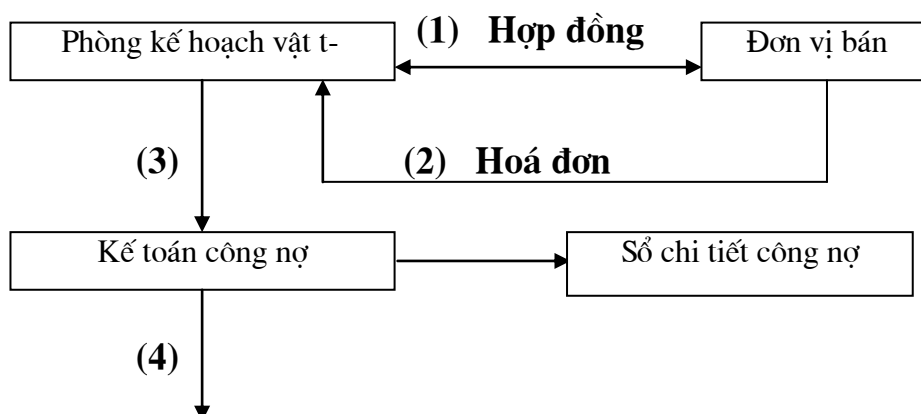
2.2.2 Hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần đúc 19-5

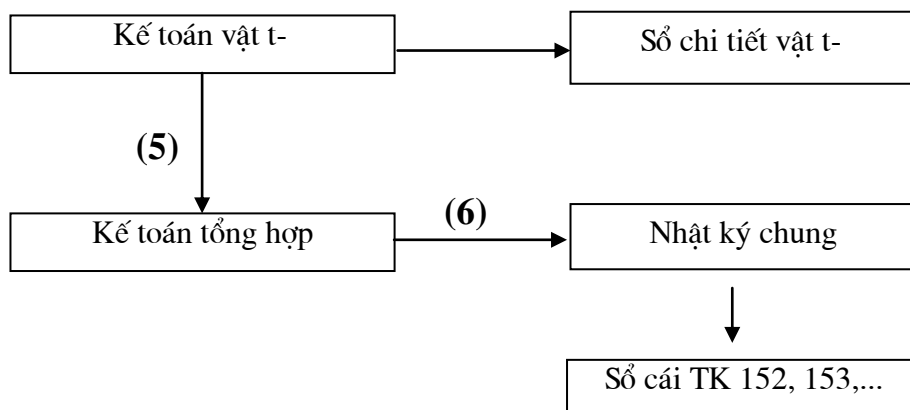
Hiện nay công ty áp dụng hình thức nhật ký chung, tuy nhiên cũng có một số vận dụng mẫu sổ phù hợp với thực tế và phát huy tốt các chức năng của kế toán. Cụ thể khi vật liệu, công cụ dụng cụ mua về đến kho của công ty trình tự hạch toán được tiến hành như sau:

2.2.2.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Sơ đồ 2.5

*** Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách kế toán tăng vật t- do mua ngoài**





Giải thích sơ đồ:

Phòng kế hoạch vật tư có nhu cầu mua vật tư tiến hành làm hợp đồng mua vật tư với đơn vị bán. Đơn vị bán đồng ý bán vật tư tiến hành xuất vật tư và chuyển hoá đơn bán hàng cho phòng kế hoạch vật tư. Khi hàng về đến kho bộ phận kiểm tra chất lượng (KCS) tiến hành kiểm tra hàng về số lượng, chất lượng theo đơn đặt hàng. Trong trường hợp nguyên vật liệu, dụng cụ dụng cụ nhập kho kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư và cùng với bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành kiểm tra lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời. Thủ kho tiến hành nhập kho và viết phiếu nhập kho.

Phòng kế hoạch vật tư chuyển hoá đơn bán hàng của người bán, phiếu nhập kho cho kế toán công nợ. Kế toán công nợ căn cứ vào các chứng từ đó ghi sổ theo dõi công nợ. Kế toán công nợ chuyển PNK, HĐBH của người bán cho kế toán vật tư. Căn cứ vào PNK, HĐBH kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết vật tư. Kế toán vật tư chuyển HĐBH của người bán cho kế toán tổng hợp. Kế toán tổng hợp căn cứ vào hoá đơn tiến hành ghi sổ Nhật ký chung và ghi sổ Cái TK 152, 133, 111, 112, 331.

Phiếu nhập vật tư được viết làm 3 liên:

- + Một liên lưu lại cuộn ở phòng kế hoạch vật tư
- + Một liên dùng để người mua hàng thanh toán.
- + Một liên gửi phòng kế toán (Kèm theo hóa đơn GTGT)

* Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của Công ty nhập kho chủ yếu từ nguồn mua trong nước. Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá thực tế nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài được tính theo công thức:

Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho	=	Giá mua trên hóa đơn (chưa thuế)	+	Chi phí khác bằng tiền
-----------------------------------	---	-------------------------------------	---	---------------------------

Các khoản chi phí khác bằng tiền bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản trong quá trình thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Bắt đầu từ những chứng từ gốc sau đây kế toán bắt đầu công việc của mình

VD1: Ngày 10 tháng 1 năm 2012, 20 100kg gang đúc I nhập kho, đơn giá chưa thuế của gang đúc I: 6 300đ/kg. Chi phí vận chuyển bốc dỡ đã tính vào giá mua, thuế GTGT 10% ,doanh nghiệp chưa thanh toán tiền hàng

Giá thực tế của gang đúc I nhập kho là:

$$20\ 100 \times 6\ 300 = 126\ 630\ 000\text{đ}$$

Khi mua nguyên vật liệu công ty nhận được hoá đơn giá trị gia tăng (Biểu số 2.1)

Biểu số 2.1: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000185

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: VD/11P			
Liên 2 : giao khách hàng		Số: 0000185			
Ngày 10 tháng 01 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Sơn Minh Châu					
Địa chỉ: Mỹ Đồng – Thuỷ Nguyên - Hải Phòng					
Số tài khoản:.....		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Điện thoại:.....MS:					
Họ tên ng- ời mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần Đức 19-5.					
Địa chỉ: Kênh Giang – Thuỷ Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản:.....		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
Hình thức thanh toán:.....MS:		<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gang đúc I	Kg	20 100	6 300	126 630 000
Cộng tiền hàng:					126 630 000
Thuế suất GTGT:10 % Tiền thuế GTGT:					12 663 000
Tổng cộng tiền thanh toán:					139 293 000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba chín triệu hai trăm chín ba nghìn đồng chẵn					
Ng- ời mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Ng- ời bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ tr- ợng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)	

Khi hàng về tới kho căn cứ vào hoá đơn GTGT số 0000185 (Biểu số 2.1) kế toán lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3). Trước khi nhập kho công ty tiến hành lập bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 2.2) kiểm nhận số lượng, chất lượng số nguyên vật liệu vừa mua. Khi đã kiểm tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thủ kho mới lập phiếu nhập kho.

Biểu số 2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÚC 19-5
Kênh Giang-Thủy Nguyên-Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT
Ban hành theo quyết định
Số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 10 tháng 1 năm 2012

Căn cứ vào hóa đơn số 0000185 ngày 10/01/2012 của công ty cổ phần sơn Minh

Châu giao:

Bản kiểm nghiệm gồm:

Ông: Phạm Tiến Thành- Đại diện phòng kỹ thuật

Bà : Vũ Thu Hiền - Đại diện thủ kho

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách	Số lượng không đúng	
1	Gang đúc I		Kg	20 100	20 100	0	

Đã kiểm nghiệm

Kết luận của ban kiểm nghiệm : Đạt

Ngày 10 tháng 1 năm 2012

Đại diện kỹ thuật

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Trưởng ban

(ký, họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn số 0000185 và biên bản kiểm nghiệm vật tư số hàng thực tế đã về, phòng kế hoạch vật tư viết phiếu nhập kho ngày 10/1/2012. Thủ kho xác định số lượng, đơn giá tiến hành nhập kho.

Biểu số 2.3 :

Đơn vị: CÔNG TY CP ĐỨC 19-5

Phiếu nhập kho

Mẫu số 01- VT

Địa chỉ : Thuỷ Nguyên - HP

Số: 09/01

Ban hành theo QĐ số

Ngày 10 tháng 01 năm 2012

15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng BTC

Nhận của : Công ty Cổ phần sơn Minh Châu

Nợ TK 15212

Theo số : HĐ 0000185 ngày 10 tháng 01 năm 2012

Có TK 331

Biên bản kiểm nghiệm số : Ngày tháng.....năm 2012

Người nhập : Bùi Đức Lập

Nhập tại kho: Vật liệu

TT	Tên nhãn hiệu và qui cách hàng hoá	ĐVT	Số l- ượng hàng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
1	Gang đúc I	Kg	20 100	6 300	126 630 000		
2							
	Cộng				126 630 000		

Cộng thành tiền (bằng chữ): Một trăm hai sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng chẵn.

Nhập ngày 10 tháng 01 năm 2012

Thủ tr- ưởng đơn vị

Ng- ời giao hàng

Thủ kho

Kế toán tr- ưởng

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

VD2: Ngày 15 tháng 1 năm 2012 mua 100 bộ quần áo bảo hộ lao động phục vụ cho công nhân sản xuất sản phẩm. Đơn giá chưa có thuế GTGT là 310.000đ/bộ, thuế GTGT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Giá thực tế nhập kho của quần áo bảo hộ lao động là:

$$100 \times 310.000 = 31.000.000$$

Tổ trưởng tổ sản xuất viết giấy đề nghị (Biểu số 2.4) trình lên ban giám đốc về vấn đề mua quần áo bảo hộ lao động. Khi mua hàng về căn cứ vào hoá đơn giá trị gia tăng số 0000131 (Biểu số 2.5), kế toán lập phiếu nhập kho số 20/01 (Biểu

số 2.7), trước khi nhập kho công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 2.6) kiểm nhận số lượng, chất lượng số công cụ dụng cụ vừa mua. Khi đã kiểm tra đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thủ kho mới lập phiếu nhập kho.

Biểu số 2.4

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỨC 19-5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔ SẢN XUẤT

Hải Phòng, ngày 08 tháng 01 năm 2012

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Đề phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho mua một số vật tư sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	100	

(Trong kho còn số lượng ít vật tư trên)

Giám đốc công ty

Ban kỹ thuật

Tổ sản xuất

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5 : Hoá đơn GTGT số 0000131

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: VD/11P			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số: 0000131			
Ngày 15 tháng 01 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY MAY NAM THUẬN					
Mã số thuế: 0202288531					
Địa chỉ: Thuỷ Sơn, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng					
Họ tên người mua:					
Đơn vị mua: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC 19-5					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Kênh Giang, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền gửi ngân hàng					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6=4x5
01	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	100	310.000	31.000.000
Cộng tiền hàng		31.000.000			
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế:		3.100.000	
Tổng cộng tiền thanh toán		34.100.000			
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.6

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC 19-5
Kênh Giang-Thủy Nguyên-Hải Phòng

Mẫu số: 03-VT
Ban hành theo quyết định
Số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 10 tháng 1 năm 2012

Căn cứ vào hóa đơn số 0000131 ngày 15/01/2012 của công ty may Nam Thuận giao:

Bản kiểm nghiệm gồm:

Ông: Phạm Tiến Thành- Đại diện phòng kỹ thuật

Bà : Vũ Thu Hiền - Đại diện thủ kho

Đã kiểm nghiệm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách	Số lượng không	
1	Quần áo bảo hộ lao động		Bộ	100	100	0	

Kết luận của ban kiểm nghiệm : Đúng quy cách, sản phẩm mới 100%

Ngày 15 tháng 1 năm 2012

Đại diện kỹ thuật
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Trưởng ban
(ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu nhập kho

Đơn vị: CÔNG TY CP ĐỨC 19-5

Phiếu nhập kho

Mẫu số 01- VT

Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Số: 20/01

Ban hành theo QĐ

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006

của Bộ trưởng BTC

Nhận của: Công ty CÔNG TY MAY NAM THUẬN

Theo số: HĐ 0000131 ngày 15 tháng 01 năm 2012

Nợ TK 153

Biên bản kiểm nghiệm số : Ngày tháng.....năm 2012

Có TK 111

Người nhập : Bùi Đức Lập Nhập tại kho: Công cụ dụng cụ

T T	Tên nhãn hiệu và qui cách hàng hoá	ĐVT	Số l- ượng hàng	Giá mua	Thành tiền	Giá bán	Thành tiền
1	Quần áo bảo hộ	Bộ	100	310.000	31.000.000		
	Cộng				31.000.000		

Cộng thành tiền (bằng chữ): Ba mươi một triệu đồng chẵn.

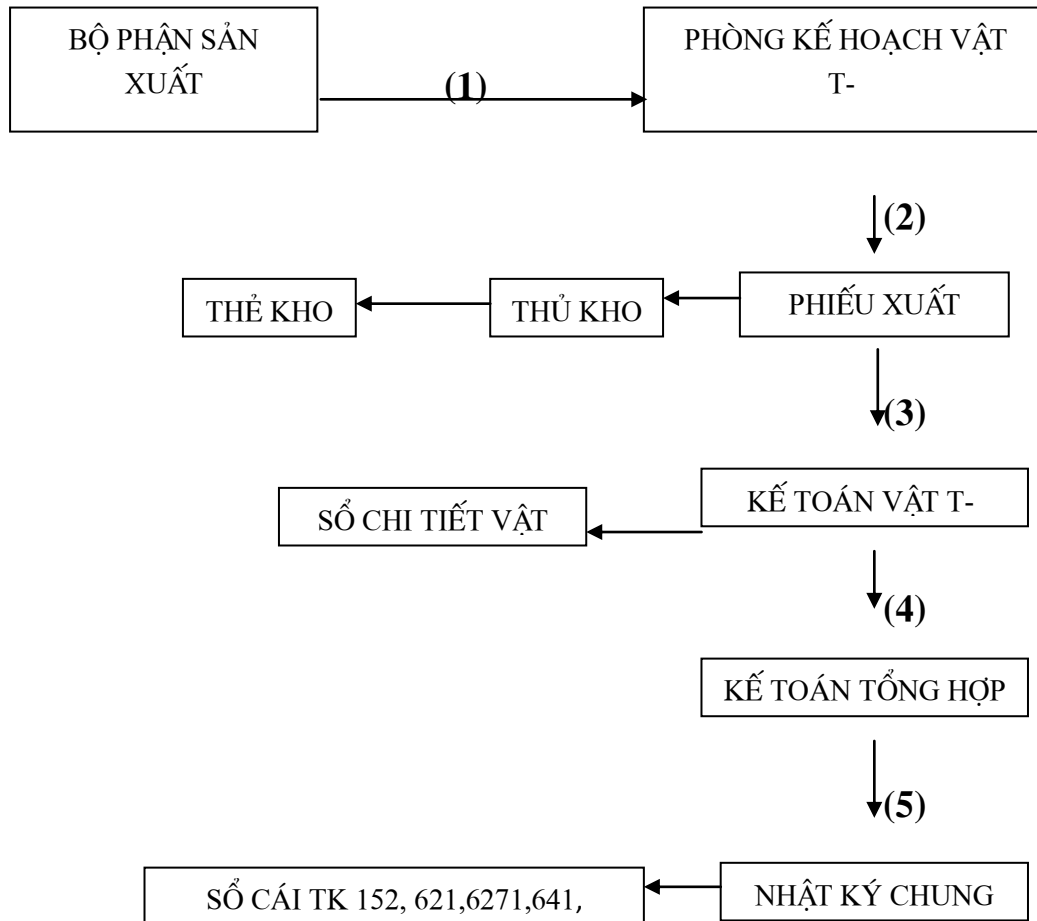
Nhập ngày 15 tháng 01 năm 2012

Thủ tr- ưởng đơn vị
(đã ký)Ng- ời giao hàng
(đã ký)Thủ kho
(đã ký)Kế toán tr- ưởng
(đã ký)

2.2.2.2 Thủ tục xuất kho

Sơ đồ 2.6

* Quy trình luân chuyển chứng từ sổ sách kế toán giảm vật t- do xuất dùng cho sản xuất:



Giải thích:

(1) Căn cứ vào nhu cầu sản xuất, bộ phận sản xuất viết giấy đề nghị với phòng kế hoạch vật tư xuất nguyên vật liệu cho sản xuất.

(2) Phòng kế hoạch vật tư viết phiếu xuất kho đề nghị thủ kho xuất kho vật liệu, sau đó thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho ghi thẻ kho.

(3) Sau khi xuất kho xong phòng kế hoạch vật tư chuyển phiếu xuất kho cho kế toán vật tư, kế toán vật tư căn cứ vào phiếu xuất kho tiến hành ghi sổ chi tiết vật tư.

(4) Kế toán vật tư chuyển phiếu xuất kho cho kế toán tổng hợp, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tổng hợp ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ Cái TK 152, 621, 6271...

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu ở quyển gốc tại phòng kinh doanh

Liên 2: Giao cho người lĩnh nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Liên 3: Giao cho thủ kho để làm căn cứ xuất kho và ghi vào thẻ kho rồi chuyển cho kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để vào bảng kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

** Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho.*

Giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho được tính trên cơ sở giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho. Công ty cổ phần Đức 19-5 áp dụng phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo phương pháp nhập trước- xuất trước.

VD3: Ngày 18 tháng 01 năm 2012, xuất 30 000kg gang đúc I phục vụ sản xuất sản phẩm.

Tổ sản xuất viết giấy đề nghị xuất vật tư trình lên ban kỹ thuật của công ty (Biểu số 2.8). Ban kỹ thuật xem xét tình hình quyết định xuất vật tư. Khi có quyết định xuất vật tư thủ kho tiến hành viết phiếu xuất kho (Biểu số 2.9).

Công ty áp dụng phương pháp Nhập trước - xuất trước để tính giá xuất kho vật tư. Trị giá xuất kho lô vật tư này được tính như sau:

Gang đúc I:

Tồn kho ngày 05/01/2012: 12700kg– đơn giá: 6 300đ/kg

Nhập kho ngày 10/01/2012: 20 100kg – đơn giá: 6 300đ/kg

Trị giá xuất kho ngày 18/01/2012 là:

$$12\ 700 \times 6\ 300 + 17\ 300 \times 6\ 300 = 189\ 000\ 000$$

Biểu số 2.8: Giấy đề nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐÚC 19-5

TỔ SẢN XUẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2012

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Đề phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho mua một số vật tư sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01	Gang đúc I	kg	30 000	

Giám đốc công ty

(Ký, họ tên)

Ban kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Tổ sản xuất

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho

Đơn vị : Công ty cổ phần
đúc 19-5
Địa chỉ : Thủy Nguyên –
HP

Phiếu xuất kho

Số: 22/01
Ngày 18 tháng 01 năm 2012

Mẫu số 02- VT

Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng BTC

Họ và tên ng- ời nhận hàng: Vũ Trọng Thanh

Nợ TK 621

Địa chỉ : Phân x- ởng đúc gang

Có TK 1521

Lý do xuất: Xuất vật t- sản xuất

Xuất tại kho: Vật liệu

Số TT	Tên nhãn hiệu Quy cách vật t- , hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	SỐ L- ỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gang đúc I		Kg	30 000	30 000	6 300	189 000 000
	Tổng cộng						189 000 000

(Bằng chữ: Một trăm tám chín triệu đồng chẵn)

Xuất, ngày 18 tháng 01 năm 2012

Thủ tr- ởng đơn vị
(đã ký)

K.T tr- ởng
(đã ký)

P.T cung tiêu
(đã ký)

Ng- ời nhận
(đã ký)

Thủ kho
(đã ký)

VD4: Ngày 19 tháng 01 năm 2012. Xuất 80 bộ quần áo bảo hộ cho công nhân phân xưởng sản xuất.

Tổ sản xuất viết giấy đề nghị xuất vật tư trình lên ban kỹ thuật của công ty (Biểu số 2.10). Ban kỹ thuật xem xét tình hình quyết định xuất vật tư. Khi có quyết định xuất vật tư thủ kho tiến hành xuất vật tư theo phiếu xuất số 23/01 (Biểu số 2.11) Công ty áp dụng phương pháp Nhập trước - xuất trước để tính giá xuất kho vật tư. Trị giá xuất kho lô vật tư này được tính như sau:

Tồn ngày 01/01/2012: 10 bộ, đơn giá: 298.000đ/bộ

Nhập ngày 15/01/2012: 100 bộ, đơn giá: 310.000 đ/bộ

Trị giá xuất kho ngày 19 tháng 01 năm 2012 là:

$$10 \times 298.000 + 70 \times 310.000 = 24.680.000$$

Biểu số 2.10: Giấy đề nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐÚC 19-5

TỔ SẢN XUẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2012

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Ban kỹ thuật

Đề phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty.

Kính đề nghị Trưởng ban duyệt cho mua một số vật tư sau:

STT	Tên vật tư, quy cách	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
01	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	80	

Giám đốc công ty

(Ký, họ tên)

Ban kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Tổ sản xuất

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

Đơn vị : Công ty cổ phần

Phiếu xuất kho

Mẫu số 02- VT

Đúc 19-5

Số: 23/01

Ban hành theo QĐ số

Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Ngày 19 tháng 01 năm 2012

15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng BTC

Họ và tên ng- ời nhận hàng: Lê Văn Nhạ

Lý do xuất: Xuất cho x- ởng Đúc thép

Nợ TK 627

Xuất tại kho: Công cụ dụng cụ

Có TK 153

Số TT	Tên nhãn hiệu Quy cách vật t- , hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	SỐ L- ỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Quần áo bảo hộ		Bộ	10	10	298.000	2.980.000
2				70	70	310.000	21.700.000
3							
4							
	Tổng cộng						24.680.000

(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn)

Xuất, ngày 19 tháng 01 năm 2012

Thủ tr- ởng đơn vị

K.T tr- ởng

P.T cung tiêu

Ng- ời nhận

(*đã ký*)

(*đã ký*)

(*đã ký*)

(*đã ký*)

2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần đúc 19-5

Để tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói chung và kế toán chi tiết nguyên vật liệu công cụ dụng cụ nói riêng, thì trước hết phải bằng phương pháp chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ có liên quan đến nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Chứng từ kế toán là cơ sở để ghi sổ kế toán. Tại Công ty Cổ phần đúc 19-5 chứng từ kế toán được sử dụng trong hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là:

Phiếu nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Phiếu xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Hoá đơn giá trị gia tăng

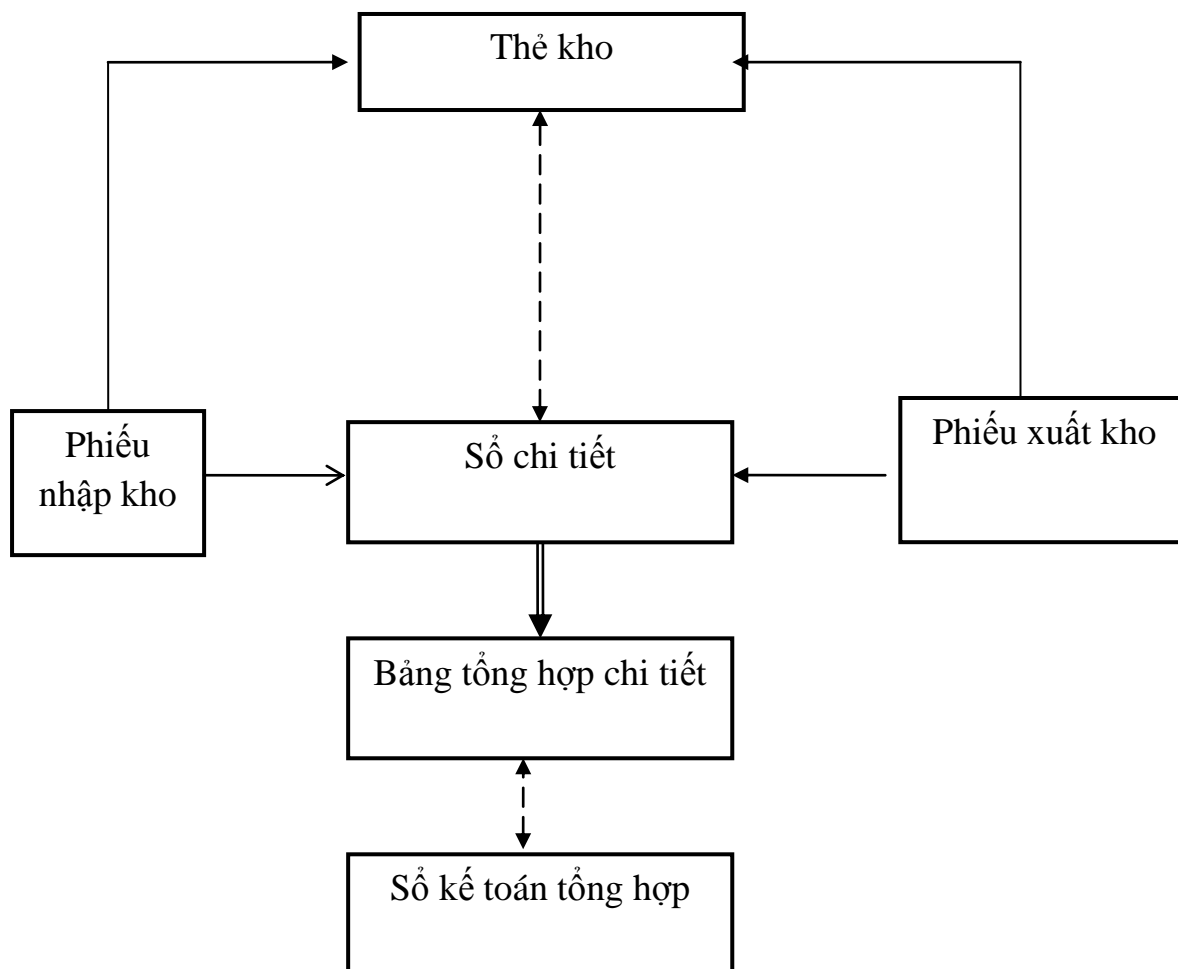
Sổ thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Kế toán chi tiết ở công ty sử dụng phương pháp thẻ song song.

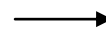
Sau đây là trình tự luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song:

Sơ đồ 2.7: Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu



Nội dung tiến hành hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tiến hành như sau:

➤ Tại kho:

Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép phản ánh hàng ngày nhập, xuất, tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho. Theo chỉ tiêu khối lượng mỗi thứ vật liệu, công cụ dụng cụ được theo dõi trên một thẻ kho để tiện cho việc theo dõi, quản lý và kiểm tra đối chiếu số liệu.

Sau khi tập hợp đầy đủ các chứng từ liên quan đến việc nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thủ kho tiến hành lập thẻ kho.

➤ **Tại phòng kế toán_:**

Kế toán vật tư sử dụng sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn từng thứ nguyên vật liệu theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất do thủ kho gửi lên, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào các chứng từ đó để ghi vào các sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối tháng, kế toán lập bảng kê nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, sau đó đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu với thẻ kho; giữa bảng kê nhập, xuất, tồn với sổ cái 152, 153 giữa số liệu của sổ kế toán chi tiết với số kiểm kê thực tế.

Ví dụ: (Tiếp ví dụ 1)

Khi đã nhập kho, từ phiếu nhập kho số 09/01 (Biểu số 2.3) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.12), đồng thời từ phiếu nhập kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.14). Cuối kỳ từ sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.16).

Ví dụ (Tiếp ví dụ 2)

Từ phiếu nhập kho số 20/01 (Biểu số 2.7) kế toán vào thẻ kho (Biểu số 2.13) đồng thời vào sổ chi tiết công cụ dụng cụ (Biểu số 2.15). Từ sổ chi tiết công cụ dụng cụ kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn công cụ dụng cụ (Biểu số 2.17)

Ví dụ (Tiếp ví dụ 3)

Từ phiếu xuất kho số 22/01 (Biểu số 2.9) thủ kho tiến hành vào thẻ kho (Biểu số 2.12), đồng thời từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.14). Từ sổ chi tiết nguyên vật liệu kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.16)

Ví dụ (Tiếp ví dụ 4)

Từ phiếu xuất kho số 23/01 (Biểu số 2.11) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.13) đồng thời kế toán vào sổ chi tiết công cụ dụng cụ (Biểu số 2.15). Từ sổ chi tiết công cụ dụng cụ kế toán vào bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn công cụ dụng cụ (Biểu số 2.17)

Biểu số 2.12

Đơn vị : Công ty cổ phần Đúc 19-5

Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S12-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Thẻ kho

Ngày lập thẻ: 01/01/2012

Tờ số: 1

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật t- , sản phẩm hàng hóa: Gang đúc I

- Đơn vị tính: Kg

Ngày nhập, xuất	Chứng từ			Diễn giải	Số l- ợng			Ký xác nhận của KT
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
01/01				D- đầu tháng 1			25 700	
05/01		02/01		Xuất cho xưởng Đúc gang		13 000	12 700	
10/01	09/01			Ô.Lập nhập kho gang đúc I	20 100		32 800	
15/01	12/01			Ô.Lập nhập kho gang đúc I	20 500		53 300	
18/01		22/01		Xuất cho xưởng Đúc gang		30 000	23 300	
25/01	25/01			Ô.Lập nhập kho gang đúc I	15 000		38 300	
31/01		30/01		Xuất cho xưởng Đúc gang		25 000	13 300	
				Cộng phát sinh tháng 1	55 600	68 000		
				Dư cuối tháng			13 300	

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13

Đơn vị : Công ty cổ phần Đúc 19-5

Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S12-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Thẻ kho

Ngày lập thẻ: 01/01/2012

Tờ số: 1

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật t-, sản phẩm hàng hóa: Quần áo bảo hộ

- Đơn vị tính: bộ

Ngày nhập, xuất	Chứng từ		Ngày tháng	Diễn giải	Số l- ợng			Ký xác nhận của KT
	Số phiếu				Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
01/01				D- đầu tháng 1			10	
15/01	20/01			Mua quần áo bảo hộ lao động	100		110	
19/01		23/01		Xuất quần áo bảo hộ lao động phục vụ sản xuất sản phẩm		80	30	
				Cộng phát sinh tháng 1	100	80		
				D- cuối tháng			30	

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14

Công ty cổ phần Đúc 19-5 Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP	Mẫu số S10-DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
--	--

Sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ

Mở sổ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Tài khoản :152

Vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa): Gang đúc I

Đơn vị tính: Kg

Quy cách, phẩm chất: Việt Nam

Mã số:

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu kỳ		6 300					25 700	161 910 000	
PX 02	05/01	Xuất gang sản xuất sản phẩm	621	6 300			13 000	81 900 000	12 700	80 010 000	
PN 09	10/01	Nhập gang đúc I Công ty CP Sơn Minh Châu	331	6 300	20 100	126 630 000			32 800	206 640 000	
PN 12	15/01	Nhập gang đúc I Công ty CP Sơn Minh Châu	331	6 300	20 500	129 150 000			53 300	335 790 000	

PX 22	18/01	Xuất gang sản xuất sản phẩm	621	6 300			30 000	189 000 000	23 300	146 790 000	
PN 25	25/01	Nhập gang đúc I Công ty TNHH Quang Hưng	112	6 500	15 000	97 500 000			38 300	244 290 000	
PX 39	31/01	Xuất gang sản xuất sản phẩm	621	6 300			23 300	146 790 000	15 000	97 500 000	
				6 500			1 700	11 050 000	13 300	86 450 000	
		Cộng PS tháng 1			55 600	353 280 000	68 000	428 740 000			
		Dư cuối tháng							13 300	86 450 000	

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC 19-5

Địa chỉ : Thuỷ Nguyên - HP

Mẫu số S10-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ

Mở sổ ngày 01 tháng 01 năm 2012

Tài khoản :153

Tên vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa): Quần áo bảo hộ lao động

Đơn vị tính: Bộ

Quy cách, phẩm chất: Việt Nam

Mã số:.....

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				L- ợng	Tiền	L- ợng	Tiền	L- ợng	Tiền	
		Tồn đầu kỳ		298.000					10	2.980.000	
PN 20	15/01	Mua quần áo bảo hộ lao động	112	310 000	100	31 000 000			110	33 980 000	
PX 23	19/01	Xuất quần áo bảo hộ lao động	627	298 000			10	2 980 000	100	31 000 000	
				310 000			70	21 700 000	30	9 300 000	
		Cộng PS tháng 1			100	31 000 000	80	24 680 000			
		D- cuối tháng							30	9 300 000	

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÚC 19-5

Địa chỉ : Thuỷ Nguyên - HP

Mẫu số S11-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 01 năm 2012

Tài khoản :152

STT	Tên vật liệu	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
01	Gang đúc I	25 700	161 910 000	55 600	353 280 000	68 000	428 740 000	13 300	86 450 000
02	Sắt phế	20 000	110 000 000	48 750	278 125 000	61 250	352 375 000	7 500	35 750 000
03	Fero Mn	5000	20 750 000	2 300	9 545 000	6450	26 767 500	850	3 527 500
04	Fero Si	3000	14 550 000	3 500	16 975 000	6100	29 585 000	400	1 940 000
								
	Cộng		552 210 000		1 657 925 000		2 000 135 000		210 000 000

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.17

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC 19-5

Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S11-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 01 năm 2012

Tài khoản :153

STT	Tên vật liệu	Tồn đầu tháng		Nhập trong tháng		Xuất trong tháng		Tồn cuối tháng	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
01	Quần áo bảo hộ lao động	10	2 980 000	100	31 000 000	80	24 680 000	30	9 300 000
02	Giày bảo hộ lao động	15	2 250 000	100	15 000 000	80	12 000 000	35	5 250 000
03	Búa	-		20	7 000 000	12	4 200 000	8	2 800 000
04	Chày hơi	5	6 250 000	8	10 000 000	10	12 500 000	3	3 750 000
								
	Cộng		153 850 000		256 125 000		310 900 000		99 075 000

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

2.2.5 Kế toán tổng hợp nhập, xuất kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.5.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, biên bản kiểm nghiệm vật tư và các chứng từ khác có liên quan

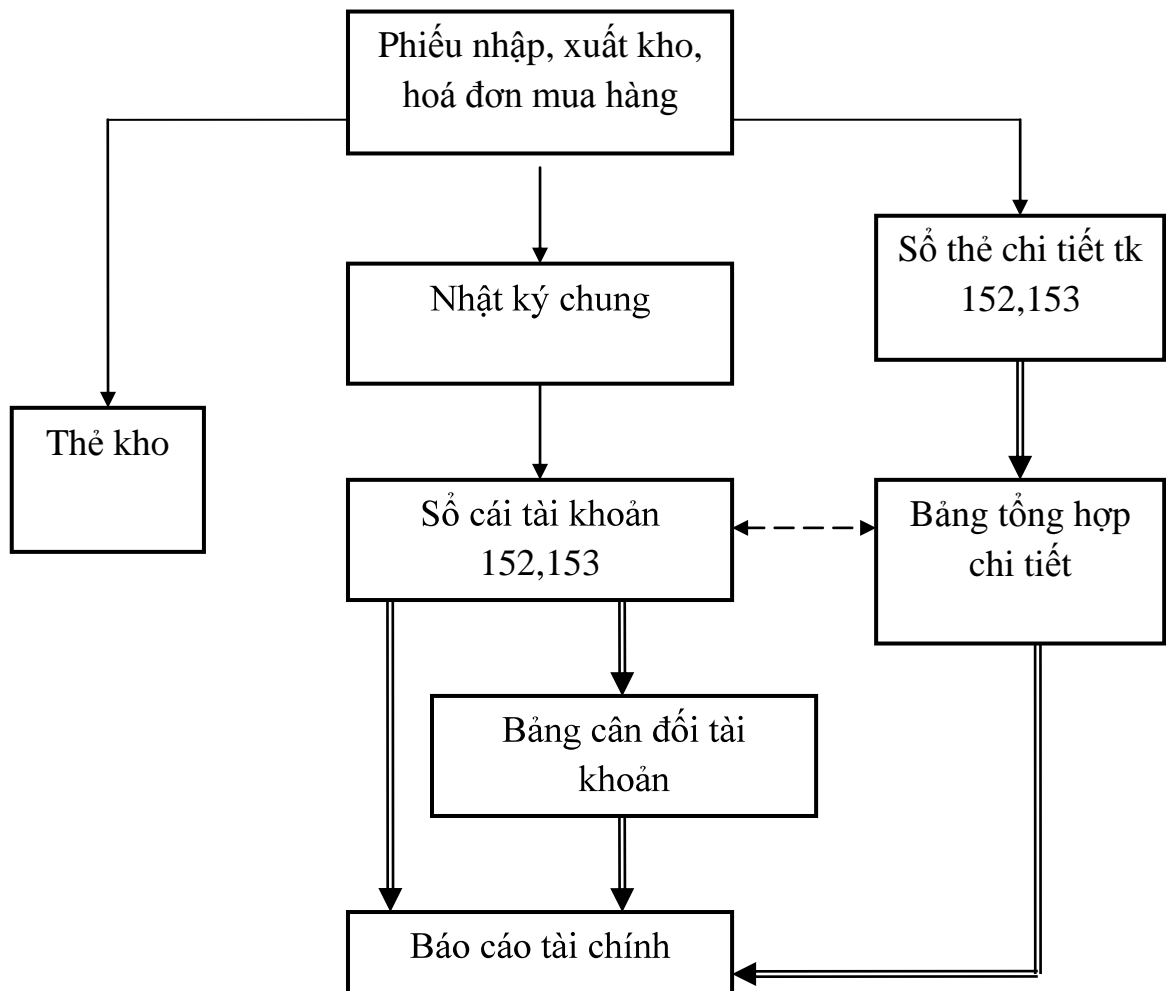
2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

Tk152: Nguyên liệu, vật liệu;

Tk153: Công cụ, dụng cụ

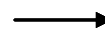
Ngoài ra công ty sử dụng các tài khoản hạch toán sau: TK331, TK411, TK111, TK112, TK621, TK627,

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty



Ghi chú:

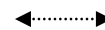
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Quan hệ đối chiếu



VD: Ngày 10 tháng 1 năm 2012, 20 100kg gang đúc I nhập kho, đơn giá chưa thuế của gang đúc I: 6 300đ/kg. Chi phí vận chuyển bốc dỡ đã tính vào giá mua thuế GTGT 10% ,doanh nghiệp chưa thanh toán tiền hàng.

Căn cứ hoá đơn GTGT số 0000185 (Biểu số 2.1) và các chứng từ có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ kinh tế vừa phát sinh. Từ định khoản trên kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18) .Từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.19) và các sổ cái khác có liên quan. Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Nợ TK 15212: 126 630 000

Nợ TK 133: 12 663 000

Có TK 331: 139 293 000

VD: Ngày 18 tháng 01 năm 2012, xuất 30 000kg gang đúc I phục vụ sản xuất sản phẩm.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 22/01 (Biểu số 2.9) kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18) .Từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.19) và sổ cái các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Nghiệp vụ kinh tế trên được kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 621: 189 000 000

Có TK 15212: 189 000 000

Biểu số 2.18

Đơn vị : Công ty cổ phần Đúc 19-5
Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Trích tháng 1 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
10/1	0000185	10/1	Mua gang đúc I	152		126 630 000	
				133		12 663 000	
					331		139 293 000
15/1	0000131	15/1	Mua quần áo bảo	153		31.000.000	
				133		3.100.000	
					112		34.100.000
						
18/1	PX 22	18/1	Xuất gang đúc I SXSP	621	152	189 000 000	189 000 000
19/1	PX 23	19/1	Xuất quần áo bảo hộ lao động	627	153	24.680.000	24.680.000
25/1	0000133	25/1	Mua chày hơi	153		5 000 000	
				133		500 000	
					111		5 500 000
28/1	0000135	28/1	Mua Fero Mn	152		4 150 0000	
				133		415 000	
					111		4 565 000
28/1	NH06/01	28/1	Trả tiền mua sắt phế	331	112	80 348 000	80.348.000
31/1	PX 39	31/1	Xuất gang đúc I sxsp	621	152	157 840 000	157 840 000
			Cộng phát sinh			4.893.524.000	4.893.524.000

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19

Đơn vị : Công ty cổ phần Đúc 19-5

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Thuỷ Nguyên - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CAI

Số hiệu: 152

Tên Tk: Nguyên vật liệu

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		552 210 000	
					
10/1	0000185	10/1	Mua gang đúc I	331	126 630 000	
18/1	PX 22	18/1	Xuất gang đúc I sxsp	621		189 000 000
					
28/1	0000135	28/1	Mua Fero Mn	111	4 150 000	
31/1	PX39	31/1	Xuất gang đúc I sxsp	621		157 840 000
			Cộng phát sinh		1 657 925 000	2 000 135 000
			Tồn cuối kỳ		210 000 000	

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20

Đơn vị : Công ty cổ phần Đức 19-5

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Thuỷ Nguyên - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu: 153

Tên Tk: Công cụ, dụng cụ

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		153 850 000	
			Phát sinh			
15/1	0000131	15/1	Mua quần áo bảo hộ lao động	112	31.000.000	
19/1	PX23	19/1	Xuất quần áo bảo hộ lao động	627		24.680.000
25/1	0000133	25/1	Mua chày hơi	111	5 000 000	
					
			Cộng phát sinh		256 125 000	310 900 000
			Tồn cuối		99 075 000	

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21

Đơn vị : Công ty cổ phần Đức 19-5

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Thủy Nguyên - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu: 331

Tên Tk: Phải trả người bán

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			192 635 000
			Phát sinh			
10/1	0000185	10/1	Mua gang đúc I	152 133		126 630 000 12 663 000
17/1	0000170	17/1	Mua sắt phế	152 133		114 155 000 11 415 500
					
28/1	NH06/01	28/1	Trả tiền mua sắt phế cho Công ty TNHH Quang Hưng	112	80 348 000	
30/1	NH10/01	30/1	Trả tiền mua gang thổi cho công ty TNHH Toàn Thắng	112	297 055 000	
			Cộng phát sinh		698 715 000	853 665 000
			Tồn cuối			347 585 000

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22

Đơn vị : Công ty cổ phần Đúc 19-5

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ : Thuỷ Nguyên - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Số hiệu: 621

Tên Tk: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Phát sinh			
6/1	PX05	6/1	Xuất sắt phế để sxsp	152	153 480 000	
9/1	PX08	9/1	Xuất gang thỏi để sxsp	152	172 047 500	
11/1	PX11	11/1	Xuất fero mn để sxsp	152	4 085 000	
					
18/1	PX22	18/1	Xuất gang đúc I sxsp	152	189 000 000	
20/1	PX25	20/1	Xuất fero si để sxsp	152	5 715 500	
					
31/1	PX 39	31/1	Xuất gang đúc I sxsp	152	157 840 000	
31/1	PKT01	31/1	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp tháng 1	154		2 000 135 000
			Cộng phát sinh trong kỳ		2 000 135 000	2 000 135 000

Ngày 31 tháng 1 năm

2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm tăng cường quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đúc 19-5.

2.3.1 Đánh giá chung

Cùng với sự phát triển của công ty, tập thể ban lãnh đạo công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

➤ Về bộ máy kế toán nói chung.

Bộ máy kế toán công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính - kế toán các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác quản lý nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

➤ Về chứng từ sổ sách kế toán áp dụng.

Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương liên tục.

Về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ

sách kế toán để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức sổ sách kế toán

Hình thức Nhật ký chung tương đối phù hợp với doanh nghiệp vì các nghiệp vụ phát sinh trong năm không quá nhiều.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều đúng theo mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống, việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Khâu thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Công ty có bộ phận chuyên chịu trách nhiệm thu mua và bốc xếp vật tư, nguồn thu mua của công ty là tương đối ổn định với nhiều nhà cung cấp đảm bảo cho nguyên vật liệu luôn đáp ứng nhu cầu sản xuất, ít có trường hợp bị ép giá hoặc thiếu nguyên vật liệu cho sản xuất. Trong khâu nhập kho vật liệu, công ty đảm bảo có sự giám sát chặt chẽ giữa phòng kế toán với bộ phận thu mua và thu kho bằng hóa đơn GTGT, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu nhập kho để xác định chính xác, đầy đủ về mặt số lượng cũng như giá trị NVL, CCDC nhập kho.

Công tác bảo quản:

Công ty hiện có 3 kho để bảo quản và dự trữ, các kho đều được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu được bảo quản tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, nhân viên thủ kho và bảo vệ có tinh thần trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn tốt.

Khâu sử dụng:

Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được phó tổng giám đốc thông qua. Công tác xuất đảm bảo đủ giấy tờ các phiếu, lệnh xuất. Trong khâu xuất kho công ty đòi hỏi sự chi tiết rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng, mục đích sử dụng NVL, CCDC cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận sử dụng, thủ kho với phòng kế toán thông qua phiếu yêu cầu xuất vật tư, phiếu xuất kho, thẻ kho...

Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho NVL, CCDC đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán NVL, CCDC tại công ty được chính xác đảm bảo vật tư được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

Về việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho mà đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Phương pháp này đã giúp công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu, chính xác, kịp thời là một lựa chọn đúng đắn của công ty.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty áp dụng Phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

2.3.2 Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực trong công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, công ty vẫn còn một số điểm hạn chế như sau:

Kế toán tài chính

➤ Về việc luân chuyển chứng từ

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ.

➤ Về việc đào tạo cán bộ sử dụng máy vi tính

Trong đội ngũ cán bộ vẫn còn tồn tại số ít những người còn hạn chế về năng lực chuyên môn nghiệp vụ, còn thụ động trong công việc, chưa đáp ứng được và theo kịp yêu cầu đổi mới của công ty.

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính cho phòng kế toán song máy vi tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán kế toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Trong thời gian tới công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán để giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán.

➤ Về việc kiểm kê vật tư

Hiện nay, nguyên vật liệu chính của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá nguyên vật liệu gặp nhiều khó khăn. Do công ty chưa lập sổ danh điểm vật tư để sắp xếp các loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật tư một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu một cách tốt hơn.

Kiểm kê NVL, CCDC là công việc cần thiết để bảo vệ an toàn cho

NVL,CCDC, để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư trong kho, phát hiện giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty.Ở công ty, việc kiểm kê NVL, CCDC được tiến hành 1 năm 1 lần. Vì vậy công ty không theo dõi thường xuyên về tình hình số lượng, chất lượng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn trên sổ sách.

Kế toán quản trị

Kế toán Công ty chưa chú trọng kế toán quản trị. Kế toán quản trị với chức năng chủ yếu là cung cấp thông tin cho các đối tượng trong nội bộ doanh nghiệp nên có thể cung cấp thông tin nhanh chóng và đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý một cách đầy đủ và chính xác nhất khi có yêu cầu. Tại Công ty hiện nay chủ yếu là kế toán tài chính.

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ
DỤNG CỤ NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN
VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỨC 19-5**

3.1 Phương hướng, nhiệm vụ phát triển của công ty trong thời gian tới

Trong thời gian sắp tới công ty sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục một số điểm yếu nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán nói riêng và bộ máy tổ chức toàn công ty nói chung. Cụ thể là:

Công ty tiếp tục phát triển theo định hướng chung của xã hội. Hoạch định cụ thể các chiến lược kinh doanh, chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược tài chính và chiến lược thương hiệu.

Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức sản xuất sản phẩm, tạo điều kiện cho công nhân tại phân xưởng đi học lớp đào tạo nâng cao tay nghề do chuyên gia người nước ngoài hướng dẫn để có thể tạo ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất.

Nâng cấp và thay thế một số trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm được đảm bảo.

Đồng thời công ty cũng sẽ quan tâm nhiều hơn đến chiến lược marketing nghĩa là lập kế hoạch marketing phù hợp, cân đối và hợp nhất chiến lược sản phẩm của công ty, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược quảng cáo. Chiến lược marketing là sự cần thiết của công ty nhằm mục đích bước vào thị trường xác định và để người tiêu dùng biết đến sản phẩm của công ty nhiều hơn.

Trong thời gian tới công ty sẽ vẫn tiếp tục duy trì và nâng tầm đối tác. Cụ thể đối với những đối tác, những khách hàng, những nhà cung cấp lâu năm, gắn bó với công ty thì sẽ có những sự ưu ái đặc biệt như giảm giá, tặng quà ngày lễ.

Đối với mảng tài chính của công ty, trong thời gian sắp tới sẽ sử dụng phần mềm cho việc hạch toán nhằm giảm thiểu khối lượng cho phòng kế toán và thuận lợi hơn trong việc kiểm tra. Ngoài ra, sử dụng phần mềm và tạo danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng, danh mục nhà cung cấp sẽ giúp cho bộ phận kế

toán dễ dàng theo dõi công nợ và tình trạng hàng tồn kho.

Hoạch định kế hoạch cụ thể nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hạ giá thành sản phẩm.

3.2 Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần đúc 19-5.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu.

Trong nền kinh tế thị trường, khi xu thế cạnh tranh ngày càng mạnh giữa các doanh nghiệp thì giá cả là một yếu tố quan trọng quyết định tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Trong những năm qua, mặc dù doanh nghiệp luôn không ngừng nỗ lực phấn đấu để đạt hiệu quả cao nhất trong công tác quản lý và công tác tổ chức sản xuất nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Do đó việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại doanh nghiệp là vô cùng cần thiết.

3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- *Nguyên tắc nhất quán*: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- *Nguyên tắc giá gốc*: Quy định nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được tính

theo giá gốc.

- *Nguyên tắc thận trọng*: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải thận trọng từng bước.

3.2.3 Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yếu tố sau:

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.
- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt Nam.
- Phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của công ty.
- Phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.3.4 Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần đúc 19-5.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được, tuy nhiên vẫn còn một số những hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu với lý luận và thực tiễn, em xin đề xuất một số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

❖ Biện pháp 1: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên đến phòng tài chính - kế toán để xử lý chứng từ chậm trễ, gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán khiến nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện

một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn, có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán – tài chính để phòng kế toán – tài chính xử lý kịp thời và chính xác.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu mất chứng từ thì sẽ có thể dễ dàng quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận và có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ trong công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên trong công ty đối với công việc.

Ví dụ: Tình hình nguyên vật liệu tại kho vật liệu trong tháng 01/2012 của công ty như sau:

Khi nhập, xuất kho nguyên vật liệu thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho đồng thời chuyển lên phòng kế toán. Khi giao các chứng từ này cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của công ty (Biểu số 3.1)

Biểu số 3.1

Công ty cổ phần đúc 19-5

Kênh Giang –Thủy Nguyên – Hải Phòng

Sổ giao nhận chứng từ

Tháng 1 năm 2012

Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
Ngày	Số				
06/01	PX05/01	Xuất sắt phế sản xuất sản phẩm	Phòng kế toán	Bùi Thị Hồng	
				
10/01	PN09/01	Mua gang đúc I	Phòng kế toán	Bùi Thị Hồng	
				
15/01	PN20/01	Nhập kho quần áo bảo hộ lao động	Phòng kế toán	Bùi Thị Hồng	
				
19/01	PX23/01	Xuất quần áo bảo hộ lao động	Phòng kế toán	Bùi Thị Hồng	
				
28/01	PN31/01	Mua fero mn	Phòng kế toán	Bùi Thị Hồng	
				

❖ *Biện pháp 2: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán tại công ty :*

Hòa nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty cổ phần Đúc 19-5 đã ứng dụng tin học vào việc

hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau
- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm trên, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn đội ngũ kế toán sử dụng thành thạo, linh hoạt máy vi tính mà cụ thể là phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để công ty có thể lựa chọn:

- + Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa.
- + Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft.
- + Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN.
- + Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.

❖ *Biện pháp 3: Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư:*

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu.
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.

Biểu số 3.2

Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Ghi chú
Nhóm vật liệu	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521G		Gang		
		1521GĐ1	Gang đúc 1	Kg	
		1521GT	Ganh thỏi	Kg	
...	
	1521S		Sắt phế	Kg	
	1521T		Thép	Kg	
		1521TT	Thép tròn	Kg	
		1521TD	Thép dẹt	Kg	
		1521TN	Thép nhíp	Kg	
...	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522Đ		Đất	Kg	
		1522ĐĐ	Đất đèn	Kg	
		1522ĐS	Đất sét	Kg	
		1522ĐX	Đá xanh	Kg	
	1522T		Than		
		1522TC	Than cốc	Kg	
		1522TĐ	Than điện cực	Kg	
...	
1523			Nguyên vật liệu khác		
	1523D		Dầu diezen		
		1523D1	Dầu diezen loại 1	Lít	
		1523D2	Dầu diezen loại 2	Lít	
	1523X		Xăng	Lít	
...

❖ *Biện pháp 4: Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:*

Kiểm kê nguyên vật liệu là công việc cần thiết để bảo vệ an toàn cho nguyên vật liệu và phát hiện kịp thời những sai sót và vi phạm trong quản lý sử dụng vật liệu.

Tuy nhiên ở công ty, việc kiểm kê nguyên vật liệu chưa được diễn ra thường xuyên. Vì vậy công tác kiểm kê nguyên vật liệu phải được tiến hành định kỳ, ít nhất một năm hai lần để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn kho trên sổ sách.

Trước khi tiến hành kiểm kê nguyên vật liệu công ty cần lập hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu gồm: nhân viên phòng vật tư và kế toán vật tư. Khi tiến hành kiểm kê phải thực hiện cân đo, đong đếm nguyên vật liệu bằng các dụng cụ và phương tiện thích hợp nhằm xác định được số lượng tồn kho của từng loại nguyên vật liệu, đánh giá lại giá trị trên sổ sách kế toán và số liệu trên thực tế.

Kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa, xác định số chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch đó. Biên bản kiểm kê sẽ làm căn cứ để kế toán hạch toán kết quả kiểm kê.

Ví dụ công ty tiến hành kiểm kê số lượng vật tư tồn kho vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 (biểu số 3.3)

Biểu số 3.3

Đơn vị: Công ty cổ phần đúc 19-5
 Bộ phận: Bộ phận sản xuất gang

Mẫu số 05-VT
 Ban hành theo quyết định Số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm, hàng hóa

Thời điểm kiểm kê ngày 31 tháng 3 năm 2013

Biên bản kiểm kê gồm:

Ông: Phạm Tiến Thành Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật Đại diện: Phòng kỹ thuật Trưởng ban

Bà: Vũ Thu Hiền Chức vụ: Thủ kho Đại diện: Phòng kế toán Ủy viên

Đã kiểm kê có những mặt hàng dưới đây

S T T	Tên nhãn hiệu quy cách NVL	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SI	TT	SL	Tt			
1	Gang đúc I	1521GĐ	kg	6.310	11.563	72.962.530	11.563	72.962.530					×		
2	Gang thời	1521GT	kg	6.135	13.126	80.528.010	13.126	80.528.010					×		
3	Than điện cực	1522TĐ	kg	4.680	2.137	10.001.160	2.137	10.001.160					×		
														

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm
 Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

❖ *Biện pháp 5: Cần chú trọng đến kế toán quản trị trong công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.*

Kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường tổng hợp, phân tích, lập báo cáo, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lý chặt chẽ các tài sản này. Như vậy kế toán quản trị là một phương pháp xử lý các dữ liệu nhằm:

- + Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng đơn đặt hàng, gia công.
- + Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- + Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- + Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lý.

☞ *Cụ thể trong công tác kế toán quản trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:*

+Kiến nghị 1: Công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu

Để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, công tác thu mua dự trữ vật tư không bị động cũng như tình trạng tồn kho gây nhiều ứ đọng, khó khăn về kinh tế thì công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình khả năng của công ty.

❖ Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của 1 đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

Định mức giá	Giá mua	Chi phí	Chi phí nhập	Chiết khấu
Của 1 đơn vị NVL	= đơn vị	+ chuyên chở	+ kho, bốc xếp	- (nếu có)

❖ Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho 1 đơn vị sản phẩm phản ánh số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho 1 đơn vị thành phẩm, có cho phép những hao hụt bình thường:

Định mức lượng NVL trực tiếp cho 1 ĐVSP	Lượng NVL cần thiết để sản xuất 1 ĐVSP	Mức hao hụt cho phép	Mức NVL cho sản phẩm hỏng (cho phép)
---	--	----------------------	--------------------------------------

❖ Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu của 1 đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

Định mức chi phí 1 ĐVSP	=	Định mức giá 1 ĐVSP	×	Định mức lượng NVL
-------------------------	---	---------------------	---	--------------------

Giá tiêu chuẩn về vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch vật tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả phù hợp.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình hình sử dụng thực tế.

Định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh. Ngoài ra vấn đề nguyên vật liệu sẽ ít bị ứ đọng, số vốn có thể quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác hoặc cho các hoạt động tài chính, đồng thời sử dụng tiết kiệm vốn.

+Kiến nghị 2: Báo cáo quản trị

Công ty nên thiết lập hệ thống báo cáo quản trị, hệ thống báo cáo quản trị cần được xây dựng phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý của doanh nghiệp nói chung và quản lý về nguyên vật liệu nói riêng. Nội dung hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần đảm bảo cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính so sánh được của các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và ra các quyết định kinh tế của doanh nghiệp, các chỉ tiêu trong báo cáo kế toán quản trị cần phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu của kế hoạch, dự toán và báo cáo tài chính. Đối với kế toán quản trị về hàng tồn kho nói chung và nguyên vật

liệu nói riêng ta có thể sử dụng một số mẫu bảng báo cáo theo quy định của bộ tài chính.

Biểu 3.4: Báo cáo tình hình biến động nguyên vật liệu

Bảng này giúp các nhà quản trị có được cái nhìn tổng quát tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu. Nhìn vào bảng báo cáo này nhà quản trị sẽ biết được đầu kỳ kế hoạch mua vào cho từng loại nguyên vật liệu với số lượng là bao nhiêu và ước lượng số tiền bỏ ra là bao nhiêu cho từng loại nguyên vật liệu mua vào đó. Nhưng trong quá trình thực hiện mua vào nguyên vật liệu trong kỳ thì do nhu cầu sản xuất, dự trữ có thể có những nguyên vật liệu mua vào với số lượng nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng so với kế hoạch và nhà quản trị cũng biết được số tiền chính xác phải bỏ ra là bao nhiêu để mua số nguyên vật liệu đó. Đồng thời trong kỳ nhà quản trị cũng sẽ nắm được cụ thể tình hình xuất dùng đối với từng loại nguyên vật liệu ra sao, xuất dùng cho sản xuất sản phẩm với số lượng và giá trị là bao nhiêu, xuất cho bộ phận quản lý, và cho các bộ phận khác là bao nhiêu. Từ đó có thể giúp nhà quản trị dựa vào định mức tiêu hao để biết được việc sử dụng từng loại nguyên vật liệu cho từng bộ phận có hợp lý hay là lãng phí không. Bảng báo cáo này cũng cho nhà quản trị thấy được tình hình tồn kho đầu kỳ và tồn kho cuối kỳ đối với từng loại nguyên vật liệu để biết được việc dự trữ nguyên vật liệu có đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hay không, có bị ứ đọng nhiều ảnh hưởng đến số vốn dùng quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác không. Cuối cùng là việc đưa ra các ý kiến nhận xét cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu để có những kiến nghị, biện pháp khắc phục những nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

Biểu số 3.4

Đơn vị: Công ty cổ phần đúc 19-5

Bộ phận: Sản xuất gang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 1 quý 1 năm 2012

Tên quy cách nguyên vật liệu	Kế hoạch mua vào			Thực hiện mua trong kỳ			Thực xuất kho trong kỳ				Số tồn kho ĐK		Số tồn kho cuối kỳ		Ý kiến				
	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	Dùng SXSP		Dùng cho quản lý		SL	TT	SL	TT	Nhận xét	Kiến nghị			
							SL	TT	S	T							S	T	
Gang đúc I	53000	6350	336550000	55600	6354	353280000	68000	428740000					25700	161910000	13300	86450000			

Ngày 31 tháng 1 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Đầu kỳ kế hoạch mua vào cho gang đúc I là 53000kg tương ứng với số tiền là 336 550 000đ. Quá trình thực hiện mua vào gang đúc I trong kỳ do nhu cầu sản xuất và dự trữ, số lượng gang đúc I mua vào là 55 600kg tương ứng với số tiền là 353 280 000đ nhiều hơn so với kế hoạch là 2600kg. Quá trình sản xuất sản phẩm trong kỳ đã xuất 68000kg gang đúc I với giá trị là 428 740 000đ. Do lượng tồn kho đầu kỳ của gang đúc I là 25700kg và lượng mua vào trong kỳ, sau khi đã xuất dùng gang đúc I cho sản xuất sản phẩm, vẫn còn 13300 kg gang đúc I tồn kho cuối kỳ. Như vậy số lượng dự trữ của gang đúc I không bị ứ đọng nhiều nên sẽ không ảnh hưởng đến số vốn dùng quay vòng cho các loại nguyên vật liệu khác.

Biểu số 3.5: Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh

Bảng này giúp nhà quản trị nắm bắt được nhu cầu sử dụng vật tư cho sản xuất và kinh doanh. Nhìn vào bảng này nhà quản trị sẽ thấy được đầu kỳ phải tìm hiểu nhu cầu và xây dựng kế hoạch xuất dùng cho từng loại nguyên vật liệu sao cho hợp lý. Bảng báo cáo này cũng giúp nhà quản trị biết được nhu cầu đã sử dụng đối với từng loại nguyên vật liệu so với kế hoạch như thế nào và số chưa sử dụng đến là bao nhiêu. Nếu số đã sử dụng đến lớn hơn so với kế hoạch thì có thể nhập bổ sung để hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ngừng trệ và đồng thời cũng phải xem xét việc sử dụng nguyên vật liệu như vậy có hợp lý không hay lãng phí.

Biểu số 3.5

Đơn vị: Công ty cổ phần đúc 19-5

Bộ phận: Sản xuất gang

BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tháng 1 quý 1 năm 2102

Danh điểm vật tư	Tên quy cách vật tư	Đơn vị tính	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
1521GD1	Gang đúc I	kg	63000	68000	13300	13300	

Kê toán trưởng

Phụ trách người lập báo cáo

Người lập

Nhu cầu sử dụng của gang đúc I trong tháng 1 quý 1 năm 2012 là 68000kg tăng lên so với nhu cầu của kế hoạch là 5000kg, số gang đúc I còn lại chưa sử dụng đến trong kỳ là 13300kg. Vì số gang thực tế sử dụng lớn hơn so với kế hoạch nên công ty phải nhập bổ sung để hoạt động sản xuất kinh doanh không bị ngừng trệ.

KẾT LUẬN

Đối với Nhà nước, kế toán là công cụ quan trọng để tính toán xác định, kiểm tra việc chấp hành quy định của Nhà nước và để điều hành nền kinh tế. Với doanh nghiệp, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý hoạt động kinh tế và kiểm soát, bảo vệ tài sản vật tư tiền vốn trong đơn vị.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là những đối tượng lao động thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh và có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm của các Doanh nghiệp. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cần phải được đảm bảo tốt từ khâu mua vào, vận chuyển cho đến khâu dự trữ và sử dụng một cách hợp lý nhất sao cho đáp ứng vừa đủ nhu cầu sản xuất, đồng thời cũng đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có được đầy đủ, chính xác, kịp thời và khoa học sẽ là một biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong việc tính giá thành sản phẩm.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Đúc 19-5 đã giúp em nắm vững hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng. Em nhận thấy công ty cổ phần đúc 19-5 đã áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới nhất trên cả nước. Các chứng từ kế toán công ty sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh và đều đúng theo mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết.

Bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại:

- + Công ty chưa tiến hành lập sổ danh điểm vật tư sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý vật tư.
- + Công tác kiểm kê vật tư tại công ty chưa diễn ra thường xuyên.
- + Công ty chưa chú trọng kế toán quản trị trong công tác quản lý nguyên vật liệu,

công cụ dụng cụ.

+ Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác hạch toán kế toán NVL,CCDC nói riêng và công tác kế toán tại công ty nói chung.

Từ thực trạng nêu trên đề tài đã đưa ra một số kiến nghị như sau:

1. Áp dụng phần mềm kế toán để hiện đại hóa công tác kế toán
2. Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư
3. Cần chú trọng đến kế toán quản trị trong công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
4. Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
5. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Sinh viên